

SĐC

95

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

MẬT

BIÊN NIÊN SỬ BIÊN GIỚI TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Từ năm 1954 đến hết năm 2000)



XUẤT BẢN NĂM 2002

(Lưu hành nội bộ)

BẢN ĐỒ ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH PHƯỚC



SỐ TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DIỆN TÍCH (km ²)	DÂN SỐ (người)
1	TX. Đồng Xoài	166,57	50,758
2	H. Bình Long	1 169,03	159,498
3	H. Bù Đăng	1 488,23	59,363
4	H. Đồng Phú	929,06	58,528
5	H. Lộc Ninh	1 240,48	122,328
6	H. Phước Long	1 857,46	140,296

CHÚ THÍCH	
● ● ●	Trung tâm Hành Chính Tỉnh, Huyện, Xã
-----	Ranh giới Quốc gia
-----	Ranh giới Tỉnh
-----	Ranh giới Huyện
-----	Đường giao thông
-----	Đường đất
-----	Sông ngòi

BAN CHỈ ĐẠO
KIÊM HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

(Theo Quyết định 153/1998/QĐ-UB của UBND tỉnh ngày 9/2/1998 và Quyết định 344/2000/QĐ-UB của UBND tỉnh ngày 25/02/2000)

1. Ông Bùi Huy Thống, Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban chỉ đạo kiêm Chủ tịch Hội đồng thẩm định Dự án;
2. Ông Nguyễn Tấn Hưng, Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban chỉ đạo kiêm Chủ tịch Hội đồng thẩm định Dự án⁽¹⁾;
3. Ông Bùi Văn Chiến, Phó Trưởng ban Biên giới tỉnh, Ủy viên thường trực;
4. Ông Đoàn Văn Thái, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh, Ủy viên;
5. Ông Lê Tính, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Ủy viên;
6. Ông Nguyễn Chí Cường, Giám đốc Công an tỉnh, Ủy viên;
7. Ông Trịnh Lương Sơn, Chủ tịch UBND huyện Lộc Ninh, Ủy viên;
8. Ông Nguyễn Minh Phụng, Chủ tịch UBND huyện Phước Long, Ủy viên;

¹ - Do có sự thay đổi về nhân sự, ngày 25/2/2000 UBND tỉnh Bình Phước đã có Quyết định số 344/QĐ-UB, bổ nhiệm ông Nguyễn Tấn Hưng thay ông Bùi Huy Thống làm Trưởng BCD kiêm HĐTD và bổ nhiệm ông Trần Đức Thủy thay ông Nguyễn Minh Phụng, ủy viên.

9. Bà Nguyễn Thị Kim Nga, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thư ký;

10. Ông Hoàng Văn Thanh, chuyên viên Ban Biên giới tỉnh, Thư ký.

Mời các ông có tên sau đây tham gia Ban chỉ đạo kiêm Hội đồng thẩm định Dự án:

11. Ông Nguyễn Hữu Luật, Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy, Phó Ban chỉ đạo kiêm Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định Dự án;

12. Ông Nguyễn Văn Lợi, Trưởng ban Tuyên giáo tỉnh ủy, Ủy viên.

BAN CHỦ NHIỆM

***(Theo Quyết định số 154/1998/QĐ-UB của UBND tỉnh
ngày 9/12/1998)²***

1. Ông Bùi Văn Chiến, Phó Trưởng ban Biên giới tỉnh, Chủ nhiệm Dự án kiêm chủ biên;

2. Ông Nguyễn Thế Lịch, Thượng tá, Phó Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh, Phó Chủ nhiệm Dự án;

3. Bà Nguyễn Thị Kim Nga, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Biên tập viên;

4. Ông Nguyễn Thanh Danh, chuyên viên Ban Tuyên giáo tỉnh ủy, Biên tập viên

5. Ông Cao Minh Đức, Trung tá Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh, Biên tập viên.

² -Do điều kiện công tác nên đồng chí Lê Trung Lợi, Trung tá Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh, Biên tập viên không tham gia Ban biên tập.

Lời giới thiệu

Lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam gắn liền với quá trình dựng nước và giữ nước; trong đó việc giữ gìn và duy trì sự toàn vẹn lãnh thổ quốc gia luôn luôn được chú trọng hàng đầu.

Biên giới lãnh thổ là chủ quyền thiêng liêng đối với mỗi quốc gia, mỗi một dân tộc. Đất nước ta đã trải qua hàng ngàn năm lịch sử, các thế hệ cha ông của chúng ta đã đổ bao mồ hôi xương máu để giành lại độc lập tự do cho dân tộc. Vì vậy, việc quản lý và bảo vệ biên giới quốc gia là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Chính vì ý nghĩa đó, trong tất cả các thời kỳ cách mạng, Đảng và Nhà nước ta luôn có chủ trương, quyết sách đúng đắn về vấn đề biên giới lãnh thổ. Đồng thời, tập hợp sức mạnh toàn dân tộc làm thất bại mọi âm mưu của kẻ thù, nhằm tạo lập, quản lý và bảo vệ đường biên giới quốc gia đời đời bền vững.

Bình Phước - vùng đất biên cương giàu đẹp của Tổ quốc, nơi hội tụ của nhiều dân tộc anh em có truyền thống yêu quê hương, đất nước, kiên cường đấu tranh chống giặc ngoại xâm và lao động cần cù, sáng tạo. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân Bình Phước đã làm thất bại mọi âm mưu lấn chiếm, phá hoại biên giới của địch; đồng thời, thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến biên giới, góp phần tạo môi trường ổn định với nước bạn Campuchia, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác phát triển cùng có lợi, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của nhau.

Lịch sử là hệ thống sự kiện và nhân chứng. Công cuộc quản lý, bảo vệ sự toàn vẹn biên giới quốc gia ở địa phương là sự hiện diện sinh động các sự kiện và chứng liệu thể hiện đầy đủ mọi hoạt động có liên quan đến biên giới lãnh thổ.

Công trình “Biên niên sử biên giới tỉnh Bình Phước” đã hệ

thống hoá toàn diện các hoạt động về biên giới của tỉnh từ năm 1954 đến hết năm 2000. Dưới sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo kiêm Hội đồng thẩm định công trình đã có nhiều cố gắng sưu tầm và hệ thống tư liệu, phác hoạ nên bức tranh toàn cảnh về công tác biên giới của tỉnh trong các thời kỳ đối với Campuchia. Công trình này lần đầu tiên được nghiên cứu và xây dựng, tuy còn những hạn chế nhất định nhưng đã đạt được ý tưởng tập hợp cơ bản những thông tin tư liệu về các hoạt động biên giới của tỉnh, làm nền tảng cho việc nghiên cứu được tập trung hơn, là những bài học kinh nghiệm quý báu để tổ chức thực hiện quản lý bảo vệ đường biên giới quốc gia tốt hơn và phục vụ thường xuyên cho công tác chỉ đạo cũng như tổ chức thực hiện các hoạt động trong khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia thuộc tỉnh Bình Phước trong thời gian tới.

Với ý nghĩa trên, tôi xin trân trọng giới thiệu công trình “Biên niên sử biên giới tỉnh Bình Phước” cùng các đồng chí và các ngành hữu quan để nghiên cứu, vận dụng trong công tác của mình.

Chủ tịch UBND tỉnh

Nguyễn Tấn Hưng

LỜI MỞ ĐẦU

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước về tổ chức thực hiện công tác biên giới với Campuchia thuộc phạm vi tỉnh; theo hướng dẫn, chỉ đạo Ban Biên giới của Chính phủ về việc thu thập và tổng hợp các thông tin, tư liệu để phục vụ cho công tác biên giới, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành biên soạn tập sách “Biên niên sử biên giới tỉnh Bình Phước”. Để tiện tra cứu, tập sách này được trình bày theo bố cục gồm bốn phần:

Phần một

Giới thiệu tổng quan về tỉnh Bình Phước - Vị thế, con người và truyền thống. Tập trung vào những vấn đề chung nhất của tỉnh có ảnh hưởng trực tiếp đến khu vực biên giới và các hoạt động ở khu vực biên giới.

Phần hai

Giới thiệu khái quát về tình hình biên giới Việt Nam - Campuchia từ khi hình thành đường biên giới giữa hai nước đến hết năm 2000, bao gồm lịch sử hình thành và tiến trình giải quyết đường biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Campuchia, lịch sử hình thành đường biên giới Việt Nam - Campuchia thuộc phạm vi tỉnh Bình Phước và tình hình chung về khu vực biên giới của tỉnh.

Phần ba

Biên dẫn trung thực những sự kiện nổi bật có liên quan đến công tác biên giới của tỉnh từ sau năm 1954 đến hết năm 2000 theo thứ tự ngày tháng năm, không bình luận, không đánh giá.

Phần kết luận

Tổng hợp cơ bản các nội dung đã đề cập trong tập sách và rút ra những bài học kinh nghiệm để có phương hướng tiếp tục thực hiện tốt công tác biên giới của tỉnh. Ngoài ra, ở phần cuối của tập sách còn hệ thống lại danh mục tư liệu và tài liệu về biên giới Việt Nam - Campuchia đã được sưu tầm và lưu trữ tại tỉnh Bình Phước.

Tất cả các nội dung trên đây sẽ là cơ sở để tiến hành quản lý thực tế, phục vụ cho xây dựng phương án đàm phán với Campuchia hiện nay và tạo điều kiện thuận lợi cho việc viết Đại sử ký biên giới của tỉnh sau này.

Công trình “Biên niên sử biên giới tỉnh Bình Phước” là kết quả chung của sự kết hợp chặt chẽ giữa Ban chỉ đạo kiêm Hội đồng thẩm định và Ban chủ nhiệm dự án dưới sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước. Ban Biên tập xin chân thành cảm ơn sự chỉ đạo, hướng dẫn và những ý kiến đóng góp cụ thể của Ban Biên giới của Chính phủ, Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước, các ngành, các cơ quan hữu quan của tỉnh và các đồng chí cán bộ lão thành, cán bộ khoa học đã có những đóng góp quý báu giúp cho tập sách được hoàn thành.

Lần đầu tiên biên soạn một tập sách có nhiều nội dung liên quan đến nhiều lĩnh vực cả về lịch sử, chính trị, quân sự cũng như về kinh tế xã hội nên không thể tránh khỏi có những thiếu sót. Ban Biên tập rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của tất cả các đồng chí.

Ban Biên tập

PHẦN MỘT

BÌNH PHƯỚC - VỊ THẾ, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG

Bình Phước là một tỉnh biên giới Tây Nam của Tổ quốc, địa đầu của miền Đông Nam Bộ, là nơi có lịch sử hình thành từ rất sớm.

Khi nước ta bước vào thời kỳ Trịnh - Nguyễn phân tranh “Đàng Trong - Đàng Ngoài”, từ những năm 1600 các chúa Nguyễn bắt đầu chú trọng đến việc khai khẩn mở mang các vùng đất ở phía Nam.

Năm 1611³, chúa Nguyễn Phúc Nguyên cho quân giúp Chân Lạp đánh đuổi quân Xiêm. Để “trả công”, vua Chân Lạp đã cho chúa Nguyễn đưa dân vào khai khẩn sinh sống ở vùng đất vốn hoang vu ở Đồng Nai, Biên Hoà, lập dinh điền ở Mỗi Xuy (Bà Rịa) và để đất xứ Pray Nokar (Chợ Lớn), xứ Kris Krobey (Bến Nghé) làm nơi thu quan thuế. Năm 1658, vua Chân Lạp là Nặc Chân cam kết với chúa Nguyễn giúp đỡ người Việt đang sinh sống ở Đồng Nai, Bà Rịa, lưu dân Việt đến ở chung với người Cao Miên để khai khẩn ruộng đất. Năm 1698, thống suất Nguyễn Hữu Kính (Cảnh) được cử đi kinh lược vùng đất phía Nam, đặt xứ Đồng Nai thành huyện Phước Long, dựng trấn Biên Hoà ở Biên Hoà; đặt đất Sài Gòn thành huyện Tân Bình, dựng Phiên trấn ở Gia Định. Lúc này, chúa Nguyễn đã “mở rộng đất được nghìn dặm, được hơn bốn vạn hộ”⁴.

Sử cũ viết: “Phủ Tân Bình đời xưa là đất Sài Gòn. Bản triều mới nổi lên khai thác lấy đất ấy đặt làm huyện Tân Bình. Năm Gia Long thứ 7 mới thăng làm phủ đặt chức Phủ thừa, đồng và tây 2

³ - Nguyễn Đức Châu, Nguyễn Tuấn Chung: Ông cha ta bảo vệ biên giới, NXB Công an nhân dân, Hà Nội 1994, trang 161 - 164.

⁴ Quốc sử quán Triều Nguyễn, thực lục, tập 1, trang 54

viên, lĩnh 4 huyện là Bình Dương, Tân Long, Phúc Lộc, Thuận An. Năm thứ 12, bỏ chức Phủ thừa, đặt chức Tri huyện các huyện. Năm Minh Mệnh thứ 3 mới đặt chức Tri phủ, kiêm lý huyện Tân Long. Năm thứ 14, lấy huyện Bình Dương làm huyện kiêm lý, huyện Tân Long làm thống hạt, còn hai huyện Phúc Lộc, Thuận An cho thuộc về phủ Tân An. Năm Thiệu Trị thứ 1, đặt thêm huyện Bình Long, thuộc vào phủ này. Năm Tự Đức thứ 5, bỏ huyện ấy đi, cho phủ tính nhiếp. Phủ này phía tây cách tỉnh 3 dặm, lĩnh hai huyện, tính nhiếp một huyện. Có 16 tổng, 288 xã thôn phường ấp”; “Phủ Phước Long xưa là đất Đồng Nai. Bản triều mới đặt huyện Phước Long. Năm Gia Long thứ 7 thăng làm phủ, kiêm lý huyện Phúc Chính, thống hạt ba huyện Bình An, Long Thành, Phúc An. Năm Minh Mệnh thứ 18, đặt thêm hai huyện Phúc Khánh, Nghĩa An. Lại cắt ba huyện Phúc An, Long Thành, Long Khánh, đặt riêng làm phủ Phước Tuy, còn ba huyện Phúc Chính, Bình An, Nghĩa An vẫn thuộc phủ này. Năm thứ 19 đặt thêm huyện Phúc Bình. Năm Tự Đức thứ 4, bỏ huyện Phúc Bình, cho phủ kiêm nhiếp. Huyện Nghĩa An cũng về huyện Bình An tính nhiếp. Phủ này phía tây bắc cách tỉnh 14 dặm, lĩnh hai huyện, tính nhiếp hai huyện, có 21 tổng, 258 xã thôn phường ấp, và 4 bang Hoa kiều”⁵.

“Phước Long là huyện thuộc phủ Gia Định đặt năm 1698, thành phủ năm 1808, thuộc trấn Biên Hoà, sau thuộc tỉnh Biên Hoà (1832). Nay thuộc tỉnh Đồng Nai. Phủ lý là Do Sa (thôn Bình Lự)”⁶.

Từ năm 1744, Bình Phước ngày nay thuộc đất Trấn Biên và Phiên Trấn (đời chúa Nguyễn Phúc Khoát).

Năm 1831, nhà Nguyễn bỏ đơn vị hành chính lớn Bắc thành, chia đặt từ Quảng Trị trở ra thành 17 tỉnh. Năm 1832, nhà Nguyễn xoá bỏ đơn vị hành chính Gia Định thành, chia đặt thành 12 tỉnh, Bình Phước ngày nay thuộc tỉnh Gia Định và tỉnh Biên Hoà.

Năm 1889, thực dân Pháp đặt tỉnh Thủ Dầu Một trên địa hạt phủ Phước Long thuộc tỉnh Biên Hoà cũ. Sau khi ổn định, tỉnh Thủ Dầu Một hồi đó có 12 tổng, 119 làng (tổng Bình Chánh có 12 làng,

⁵ - Phương đình Nguyễn Văn Siêu: Đại Việt địa dư toàn biên - Viện Sử học và NXB Văn hoá, Hà Nội năm 1997, trang 277, 278, 283, 284.

⁶ - Đinh Xuân Vịnh: Địa danh Việt Nam, NXB Lao động, Hà Nội năm 1996, tr. 427.

tổng Bình Điền có 16 làng, tổng Bình Dương có 13 làng, tổng Bình Thạnh Thượng có 11 làng, tổng Bình Thiện có 10 làng, tổng Bình Thổ có 14 làng, tổng Cửu An có 2 làng, tổng Lộc Ninh có 6 làng, tổng Minh Ngãi có 14 làng, tổng Phước Lễ có 5 làng, tổng Quản Lợi có 10 làng và tổng Thanh An có 5 làng)⁷; tỉnh lỵ là Thủ Dầu Một (thị xã bên sông Sài Gòn, bắc giáp huyện Bến Cát, đông nam giáp huyện Tân Uyên và Thuận An, tây nam giáp huyện Củ Chi. Có quốc lộ 13 và đường xe lửa nối liền với thành phố Hồ Chí Minh, cách thành phố Hồ Chí Minh 41 kilômét, cách Đồng Xoài 77 kilômét, cách Tân Uyên 25 kilômét, cách Biên Hoà 15 kilômét, cách Bến Cát 25 kilômét, cách Cẩm Xe 25 kilômét, cách Bến Sỏi 33 kilômét, cách Dầu Tiếng 49 kilômét, cách Củ Chi 13 kilômét, cách Hóc Môn 11 kilômét).

Từ sau năm 1954, chính quyền Việt Nam Cộng hoà thay đổi địa giới và thiết lập một số tỉnh lỵ, thành phố ở Nam Việt Nam⁸. Tỉnh Thủ Dầu Một được tách ra đặt thành hai tỉnh mới là tỉnh Bình Dương và tỉnh Bình Long (còn tỉnh Phước Long nằm ở phía Bắc tỉnh Biên Hoà và một phần của tỉnh Thủ Dầu Một).

- Tỉnh Bình Dương thành lập ngày 3 tháng 8 năm 1957, tỉnh lỵ đặt tại thị xã Phú Cường, gồm các quận hành chính: Lái Thiêu, Búng, Châu Thành, Phú Cường, Bến Cát, Bến Súc và Củ Chi.

- Tỉnh Bình Long thành lập ngày 1 tháng 7 năm 1957, tây bắc và bắc giáp tỉnh Kôngpongcham và Karatie của Campuchia, phía đông giáp tỉnh Phước Long, phía nam giáp tỉnh Bình Dương, tây nam giáp tỉnh Tây Ninh. Tỉnh Bình Long gồm 3 quận là An Lộc, Chơn Thành và Lộc Ninh, 38 xã, 158 ấp, dân số năm 1965 là 59.922 người. Tỉnh lỵ là Hớn Quản (An Lộc), bao gồm người kinh và các dân tộc ít người khác như S'Tiêng, Khome, Mnông, Tà num, Mạ...

- Tỉnh Phước Long được thành lập ngày 10 tháng 10 năm 1957 trên phần đất phía Bắc của tỉnh Biên Hoà và một phần tỉnh Thủ Dầu Một thời thuộc Pháp, diện tích 5.299 kilômét vuông, dân số năm 1970 là 41.773 người, Tỉnh gồm có 5 quận⁹ Bố Đức, Đôn Luân, Đức Phong, Phước Bình và Bù Gia Mập, có 18 xã. Tỉnh lỵ là

⁷ - Theo "Phú Cường, lịch sử, văn hoá và truyền thống", sơ thảo Sông Bé 1990, trang 25.

⁸ - Sắc lệnh số 143 NV ngày 22/10/1956 của chính quyền VNCH về thay đổi địa giới tên thành phố cùng các tỉnh, tỉnh lỵ miền Nam Việt Nam.

⁹ - Sắc lệnh số 131 ngày 5/7/1965, giải thể tỉnh Phước Thành, sáp nhập các quận vào các tỉnh lân cận, trong đó quận Phú Giáo được sáp nhập vào tỉnh Phước Long.

thị xã Phước Long. Phía bắc giáp tỉnh Mondulkyri của Campuchia, đông giáp tỉnh Quảng Đức và Lâm Đồng, nam giáp tỉnh Long Khánh, Biên Hòa và tỉnh Bình Dương, tây giáp tỉnh Bình Long. Phía đông có sông Đồng Nai (đoạn sông này thời phong kiến gọi là sông Phước Long) làm ranh giới giữa tỉnh Phước Long và Lâm Đồng.

Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, trên chiến trường miền Đông Nam bộ, ta lập chiến khu VII, gồm các tỉnh Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Long Khánh, Bình Long và Phước Long. Năm 1962, các tỉnh Phước Long, Quảng Đức, Lâm Đồng, Ninh Thuận và Bình Thuận thuộc Phân khu VI. Cuối năm 1966, các tỉnh Bình Long, Phước Long và Quảng Đức thuộc Khu X. Ngày 30 tháng 01 năm 1971, Trung ương Cục miền Nam ra quyết định thành lập phân khu Bình Phước. Đến cuối năm 1972, giải thể phân khu Bình Phước, lập thành tỉnh Bình Phước bao gồm tỉnh Bình Long và tỉnh Phước Long, là tiền thân của tỉnh Bình Phước ngày nay. Địa bàn tỉnh Bình Phước là khu vực an toàn cho hai cơ quan đầu não là Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam.



ảnh 2

Đ/c Trần Ngọc Khanh

... Từ năm 1972 đến 1975 Thường vụ phân khu, Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch ủy ban cách mạng lâm thời tỉnh Bình Phước. Từ năm 1978 - 1984 Trưởng đoàn chuyên gia Karate - Đảng ủy viên, Đảng ủy chuyên gia đoàn CPC...



ảnh 1

Đ/c Đỗ Văn Nguyên

Bí thư Tỉnh ủy Bình Phước
Đảng nhân dân cách mạng Miền
nam - Việt Nam

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội trong tình hình mới, ngày 2 tháng 7 năm 1976, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra quyết định sáp nhập hai tỉnh Bình Dương và Bình Phước thành lập tỉnh mới đặt tên là Bình Thủ, sau đó đổi tên thành tỉnh Sông Bé, gồm bảy huyện thị là: huyện Bình Long, huyện Phước Long, huyện Đồng Phú, huyện Tân Uyên, huyện Bến Cát, huyện Thuận An và thị xã Thủ Dầu Một. Ngày 9 tháng 2 năm 1978 tách một số xã của huyện Phước Long (Thiên Hưng, Hưng Phước, Tân Hoà, Tân Tiến, Bù Tam) và một số xã của huyện Bình Long (Lộc Hiệp, Lộc Thành, Lộc Hưng, Lộc Quang, Lộc Khánh, Lộc Tấn, Lộc Thắng) để thành lập huyện Lộc Ninh¹⁰. Ngày 4 tháng 7 năm 1988 tách một số xã của huyện Phước Long để thành lập huyện Bù Đăng,

Ngày 6 tháng 11 năm 1996, Quốc Hội khóa IX kỳ họp thứ X phê chuẩn việc tách một số tỉnh. Trong đó, có tỉnh Sông Bé chia thành hai tỉnh Bình Dương và Bình Phước. Tỉnh Bình Phước do kết hợp hai chữ đầu của hai tỉnh cũ là Bình Long và Phước Long. Ngày 01 tháng 01 năm 1997, tỉnh Bình Phước được tái lập gồm năm huyện thuộc phía Bắc của tỉnh Sông Bé cũ: huyện Đồng Phú, Bù Đăng, Phước Long, Bình Long, Lộc Ninh; tỉnh lỵ đặt ở thị trấn Đồng Xoài. Ngày 01 tháng 9 năm 1999, Chính phủ ban hành nghị định 90/CP về việc thành lập thị xã Đồng Xoài. Ngày 01 tháng 01 năm 2000, thị xã Đồng Xoài chính thức đi vào hoạt động.



ảnh 3

Đ/c Bùi Thanh Phong - bí thư tỉnh uỷ

¹⁰ Theo nghị định 34/CP ngày 09/02/1978.



ảnh 4

Đ/c Nguyễn Hữu Luật - Phó Bí thư
Thường Trục Tỉnh uỷ

Tỉnh Bình Phước có diện tích tự nhiên 6.831,72 kilômét vuông, dân số 653.644 người¹¹, mật độ trung bình là 88 người/kilômét vuông, gồm các dân tộc Kinh, Stiêng, Hoa, Khmer, M'ông, Tày, Nùng ... trong đó, dân tộc ít người chiếm khoảng 17,9%. Là một tỉnh miền núi có dân tộc và biên giới thuộc vùng Đông Nam Bộ, nằm ở vị trí tiếp giáp giữa đồng bằng và cao nguyên, phía bắc và tây bắc giáp Campuchia, phía đông giáp các tỉnh Đắk Lắk và Lâm Đồng, phía nam giáp các tỉnh Đồng Nai và Bình Dương, phía tây giáp tỉnh Tây Ninh. Tỉnh có nhiều rừng, ở đông bắc có núi Bà Rá cao 723m so với mặt nước biển; đất đỏ bazan chiếm khoảng 1/2 diện tích tự nhiên của tỉnh, rất thích hợp với các loại cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao như cao su, cà phê, tiêu, điều. Đất bazan còn thích hợp với nhiều loại cây lương thực như bắp, họ đậu...

Tỉnh có ba con sông chảy từ bắc xuống nam: phía tây là sông Sài Gòn, bắt nguồn từ phía bắc Lộc Ninh, đoạn chảy qua Bình Long dài gần 50 kilômét tạo thành ranh giới tự nhiên giữa tỉnh Bình Phước và tỉnh Tây Ninh; sông Bé dài gần 200 kilômét, có thủy điện Thác Mơ và thủy điện Cần Đơn, bắt nguồn từ phía Bắc của tỉnh, đoạn chảy qua vùng cư trú của đồng bào S'tiêng có tên gọi là sông Đak Lung, thượng nguồn có nhánh sông quan trọng là Đak Huyt, Đak Rláp nối liền với vùng đất đỏ nam Tây Nguyên và miền Đông của Campuchia, hạ nguồn có nhánh sông Mã Đà nối liền với sông Đồng Nai và chảy về Sài Gòn; phía Đông là sông Đồng Nai là ranh giới giữa tỉnh Bình Phước với tỉnh Lâm Đồng và Đồng Nai.

Tỉnh Bình Phước nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Khí hậu chia làm hai mùa, mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10 dương lịch, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 dương lịch năm sau. Phía bắc nhiều rừng nên ẩm hơn phía nam, lượng mưa trung bình hàng năm 2.210 mm, nhiệt độ trung bình hàng năm từ 27 đến 34 độ.

Về đường giao thông, tỉnh Bình Phước có hai trục giao thông chiến lược quan trọng là quốc lộ 13 và quốc lộ 14 chạy từ đông sang tây, từ bắc xuống nam, đi vào vùng phát triển kinh tế động lực phía Nam: thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai và nam Tây

¹¹ - Theo báo cáo số 423/CTK ngày 14/9/1999 (Số liệu tính đến ngày 01/4/1999)

nguyên, Đông bắc Campuchia. Giao thông chính của tỉnh Bình Phước là một phần của mạng giao thông liên vùng quan trọng quốc gia.

Về cư dân, qua các thời kỳ lịch sử từ đầu công nguyên đến khi người Việt vào khai hoang lập ấp đến nay chưa được nghiên cứu, tìm hiểu kỹ và kết luận rõ ràng. Tuy nhiên, qua các di chỉ khảo cổ học thu thập được ở Lộc Ninh, Bình Long, Phước Long, Bù Đăng ... đã cho thấy người nguyên thủy đã sinh sống ở đất Bình Phước. Đền đá tìm thấy ở Lộc Hòa, Lộc Ninh. Trống đồng tìm thấy ở Lộc Ninh có cùng niên đại với trống đồng Đông Sơn, trống đồng tìm thấy ở Thọ Sơn (Bù Đăng) và Long Hưng (Phước Long) cũng thuộc dòng trống đồng Đông Sơn có niên đại từ 1900 năm đến 2200 năm. Có thể hậu duệ của họ vẫn còn sinh sống ở vùng đất này cho đến ngày nay là đồng bào các dân tộc S'tiêng, M'ông, Châu Mạ ... Đến thế kỷ XVI, chủ nhân của vùng đất này là các dân tộc ít người S'tiêng, M'ông, Châu Ro... họ sống chủ yếu bằng nghề săn bắn, hái lượm, làm nương tía lúa theo phương thức du canh, du cư, tập trung thành từng buôn, sóc. Đến cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII, một số cư dân Việt từ miền Bắc và miền Trung xiêu tán vào miền Đông Nam Bộ làm ăn sinh sống, một số lập nghiệp và cư trú ở vùng đất Bình Phước. Từ đầu thế kỷ XX, Bình Phước trở thành trung tâm dẫn đầu về trồng cây cao su ở Nam bộ, nhiều đồn điền cao su được hình thành (như Lộc Ninh, Đa Kia, Quản Lợi, Phú Riềng, Xa Cam, Xa Cát) thu hút một lượng người làm thuê rất lớn, "phu công tra" chủ yếu là nông dân từ miền Bắc và miền Trung¹². Cư dân và mật độ dân số của Bình Phước không ngừng biến đổi và đến ngày nay đã phát triển tương đối ổn định, đáp ứng được nhu cầu phát triển của tỉnh trong tình hình hiện nay.

Trong quá trình lịch sử của tỉnh, đồng bào các dân tộc đã luôn luôn đoàn kết, đấu tranh chống ngoại xâm, chống cái ác. Sau khi đặt xong ách đô hộ ở Nam Kỳ, thực dân Pháp lập đại lý hành chính và các đồn binh ở khắp nơi trong tỉnh. Tiếp đó, tiến hành lập và khai thác các đồn điền cao su. Quá trình hình thành các đồn điền

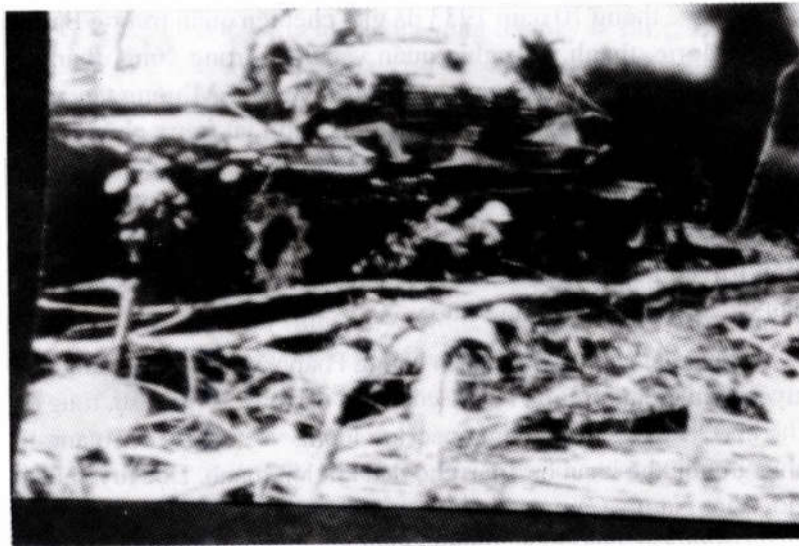
¹² - Thống kê năm 1926, thành phần cư dân như sau: người Việt gốc nam bộ có 105.968 người; người Việt gốc bắc và trung bộ có 4.122 người; Khmer có 2.469 người; S'tiêng có 11.945 người, Chăm có 453 người; Minh Hương có 1.097 người; Hoa có 1.374 người - "Vấn đề dân tộc Sông Bé" - NXB Tổng hợp Sông Bé, năm 1985, tr. 20.

cao su của thực dân Pháp trên đất Bình Phước thời đó luôn gắn liền với việc cướp đoạt đất đai, nung rẫy của đồng bào các dân tộc và bóc lột tàn nhẫn sức lao động của công nhân. Năm 1908, ông Điều Đố (người S'tiêng) đã lãnh đạo đồng bào các dân tộc S'tiêng, Châu Ro, Châu Ma, M'nông ở Lộc Ninh khởi nghĩa chống lại thực dân Pháp, nghĩa quân đã tiến đánh các đồn bót của Pháp ở Hớn Quản, Bù Đốp và mở rộng địa bàn hoạt động sang nhiều nơi. Từ năm 1912, N'trang Lon¹³ phát động khởi nghĩa chống Pháp, đồng bào các dân tộc vùng Bà Rá, Hớn Quản, Lộc Ninh, Phú Riềng dưới sự chỉ huy của Rít Đinh - một lãnh tụ người S'tiêng, nổi lên hợp lực, đã đánh nhiều trận trong đó có trận nổi tiếng là giết chết tên đại úy Morere và một số lính Pháp. Tiếp đến, hai anh em Điều Mòn, Điều Mốt cùng hơn 200 nghĩa quân người dân tộc trong một trận phục kích ngày 2 tháng 10 năm 1933 đã giết chết tên quận trưởng Bà Rá tên là Morie, thanh thế nghĩa quân vang dội trong vùng, tháng 1 năm 1934, hơn 300 nghĩa quân người S'tiêng và M'nông tấn công tiêu diệt đồn Bù Đốp... Phong trào đấu tranh vũ trang chống thực dân Pháp của đồng bào các dân tộc ở Bình Phước nổ ra ở khắp nơi, thủ lĩnh này bị bắt hoặc bị giết lại có thủ lĩnh khác thay thế chỉ huy, lực lượng nghĩa quân này tan vỡ lại có lực lượng mới thay thế, thể hiện truyền thống bất khuất, đoàn kết chống ngoại xâm của nhân dân các dân tộc tỉnh Bình Phước.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, rừng dọc tuyến biên giới tỉnh Bình Phước có giá trị đặc biệt về quân sự, rừng đã che chở, bảo vệ, nuôi dưỡng các lực lượng vũ trang cách mạng từ những buổi khó khăn ban đầu cho đến khi lớn mạnh. Dọc tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia thuộc phạm vi tỉnh Bình Phước đã trở thành trung tâm của chiến trường Đông Nam Bộ, với những căn cứ địa kháng chiến như: trụ sở của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam - Việt Nam; chiến khu Bù Gia Mập, căn cứ Tà Thiết (nơi đặt các cơ quan Trung ương cục miền Nam, Bộ Chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử)... Có đoạn cuối của đường mòn Hồ Chí Minh nổi tiếng nối liền tiền tuyến lớn với hậu phương lớn. Trong 30 năm kháng chiến

¹³ - N' Trang Lon (1870 - 1935) là người M'nông, thủ lĩnh của phong trào chống Pháp ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ từ năm 1912 - 1935. Năm 1935, ông bị thực dân Pháp bắt, phong trào đã lắng xuống. Theo văn đề dân tộc Sông Bé- nhà xuất bản tổng hợp năm 1985 trang 154-155

anh dũng chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, quân và dân Bình Phước đã làm nên biết bao kỳ tích anh hùng, mà mỗi thắng lợi đều gắn liền máu thịt với tên đất, tên người của quê hương thân thương. Sự kiện “Phú Riềng đỏ” năm 1930, dưới sự lãnh đạo của chi bộ Cộng sản¹⁴, đã thúc đẩy phong trào đấu tranh của nhân dân Bình Phước nói riêng và nhân dân Đông Nam bộ nói chung bước sang một thời kỳ mới - Thời kỳ cách mạng giải phóng dân tộc dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; chiến thắng Đồng Xoài năm 1965, góp phần cùng cả miền Nam đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ - Ngụy; cuộc tấn công mùa hè năm 1972, ta giải phóng hoàn toàn huyện Lộc Ninh (huyện đầu tiên ở miền Nam được giải phóng); chiến thắng Phước Long ngày 6 tháng 01 năm 1975, lần đầu tiên trên chiến

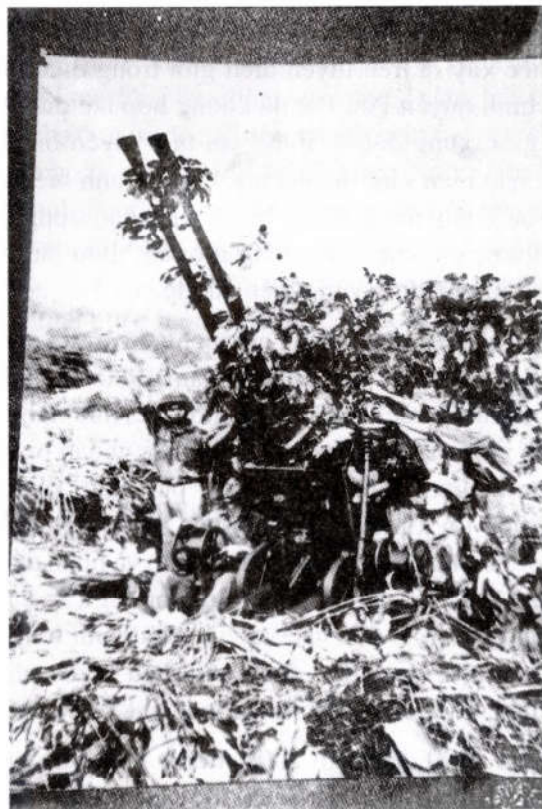


ảnh 5

Quân giải phóng đánh xe tăng địch ở Lộc Ninh năm 1972

trường miền Nam, ta giải phóng hoàn toàn một tỉnh gần Sài Gòn, thắng lợi đó có ý nghĩa “trình sát chiến lược” tạo tiền đề cho cách mạng miền Nam thần tốc tiến lên giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

¹⁴ - Chi bộ Đông Dương cộng sản Đảng ở Phú Riềng ra đời ngày 28/10/1929 tại làng 3 (nay thuộc Nông trường Thuận Lợi, Công ty cao su Đồng Phú), đầu năm 1930, chi bộ lãnh đạo gần 5000 công nhân tổng bãi công đòi yêu sách kinh tế, chính trị. Đây là chi bộ cộng sản đầu tiên ở Đông Nam bộ và ngành cao su Việt Nam.



ảnh 6 :
Phòng không Lộc Ninh sẵn sàng chiến đấu bảo vệ
vùng giải phóng năm 1972

Trong cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam, tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia thuộc phạm vi tỉnh Bình Phước là một trong những mặt trận nóng bỏng chống quân Pôn Pốt xâm lược. Chấp hành chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo quân và dân tỉnh Bình Phước (Sông Bé cũ) tăng cường bảo vệ tuyệt đối an toàn tuyến biên giới, xây dựng tuyến phòng thủ biên giới, kiên quyết đánh trả mọi đợt xâm lấn của địch¹⁵. Đồng thời,

¹⁵ - Tổng hợp theo báo cáo của Bộ đội biên phòng tỉnh Bình Phước. Trong giai đoạn 1975 - 1979, Pôn Pốt đã gây ra trên toàn tuyến biên giới tỉnh Bình Phước 150 vụ vi phạm biên giới, trong đó: 14 vụ xâm nhập vũ trang, 19 vụ xâm lấn đất và tổ chức canh tác trái phép, 5 vụ cài mìn trên đất ta, 8 vụ phục kích, 9 vụ xâm nhập để thu thập thông tin tình báo, 5 vụ bắn giết dân ta, 3 vụ tấn công đốt phá nhà và tài sản...

chủ động cùng với chính quyền Pôn Pốt gặp gỡ, bàn bạc giải quyết những vụ việc xảy ra trên tuyến biên giới trong điều kiện có thể. Song phía chính quyền Pôn Pốt đã không hợp tác mà nhiều lần vi phạm biên giới, xung đột vũ trang với ta ở tuyến biên giới, biến cuộc tranh chấp biên giới thành cuộc chiến tranh biên giới. Được sự chỉ đạo của Trung ương, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã huy động sức người, sức của¹⁶ đánh bại mọi âm mưu lấn chiếm, phá hoại của kẻ thù, giữ vững vùng biên cương của Tổ quốc¹⁷.

Sau năm 1979, đất nước Campuchia hoàn toàn giải phóng, tình hình tuyến biên giới trong những năm 1980 của tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Phước) là hòa bình, hợp tác, hữu nghị. Mọi hoạt động về biên giới của tỉnh tập trung vào việc chuẩn bị và tham gia với các ngành tham mưu cho Chính phủ đàm phán với phía Campuchia tiến tới ký kết các Hiệp ước, Hiệp định về biên giới giữa hai nước. Trong giai đoạn này, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Bình Phước quan hệ tốt với chính quyền địa phương các cấp của bạn, phối hợp giải quyết kịp thời các vụ việc phát sinh trên tuyến biên giới thuộc phạm vi tỉnh theo đúng các điều khoản đã quy định trong Hiệp ước, Hiệp định về biên giới được ký kết.

Từ năm 1990 đến năm 2000, tiếp tục duy trì sự ổn định ở vùng biên giới, từng bước cải thiện mối quan hệ về vấn đề biên giới. Tỉnh thường xuyên quản lý, bảo vệ tốt biên giới lãnh thổ, chủ động cùng các cấp chính quyền địa phương Campuchia trao đổi, giải quyết tốt các vấn đề phát sinh trên tuyến biên giới. Đồng thời, chính quyền địa phương các cấp cùng với bộ đội biên phòng phổ biến, tuyên truyền về nhiệm vụ công tác biên giới cho cán bộ, chiến sỹ và đồng bào các dân tộc ở khu vực biên giới nhằm nâng cao nhận thức về chủ quyền lãnh thổ.

¹⁶ - Theo thông báo số 10/TB ngày 7/8/1978 của Tỉnh ủy Sông Bé về việc xây dựng ấp, xã chiến đấu trên tuyến phòng thủ biên giới trong 2 tháng đã đạt được kết quả sau: toàn tỉnh huy động 17.704 lượt người tham gia; vót được 343.397 cây chông, 232.795 bần chông đinh; 1.072.949 mét dây kẽm gai; 55.614 cọc sắt; xây dựng ấp xã chiến đấu trên tuyến biên giới với chu vi 120 km; xây dựng 1.421 ụ chiến đấu; 237 lô cốt, 873 hầm chống pháo; 27.641 mét rào gỗ, 257.8710m² cỏ cây bố phòng...

¹⁷ - Theo báo cáo của Tỉnh ủy Sông Bé về tình hình biên giới từ ngày 15 đến ngày 31/7/1978. Quân và dân tỉnh Sông Bé (nay là Bình Phước) đã chủ động đánh trả địch trên toàn tuyến biên giới. Kết quả ta diệt 150 tên, thu 01 cối 82; 01 cối 60; 8 đạn cối 60; 2 quả mìn, 3 lựu đạn...

Trong tất cả các thời kỳ lịch sử của dân tộc Việt Nam, nhân dân các dân tộc Bình Phước cùng với cả nước trải qua nhiều thế hệ đã anh dũng bất khuất đứng lên chống giặc ngoại xâm, bảo vệ quê hương đất nước do cha ông đã đổ mồ hôi, xương máu tạo lập. Truyền thống yêu quê hương đất nước, truyền thống giữ gìn và bảo vệ biên giới lãnh thổ ở Bình Phước cũng như cả nước đã hoà quyện vĩnh hằng trong suốt quá trình hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Chính vì vậy, từ xưa đến nay, vị trí, vai trò của quê hương và con người Bình Phước luôn luôn được cả nước đánh giá cao.

PHẦN HAI

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ BIÊN GIỚI VIỆT NAM - CAMPUCHIA VÀ ĐƯỜNG BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA THUỘC PHẠM VI TỈNH BÌNH PHƯỚC

I. KHÁI LƯỢC VỀ ĐƯỜNG BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA¹⁸

1. Tóm tắt lịch sử hình thành đường biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Campuchia

Trước khi Pháp chính thức xâm lược Việt Nam (1858), từ tỉnh Biên Hoà đến tỉnh Hà Tiên, lãnh thổ Việt Nam tiếp giáp đất Cao Miên ở 8 huyện thuộc 6 phủ, 5 tỉnh đã được xác định rõ. Cụ thể: tỉnh Biên Hoà, ở cực tây bắc có huyện Phước Bình thuộc phủ Phước Long (thời Pháp thuộc tỉnh Thủ Dầu Một); tỉnh Gia Định có 2 huyện Tân Ninh và Quang Hoá đều thuộc phủ Tây Ninh (sau này là tỉnh Tây Ninh); tỉnh Định Tường có 2 huyện Kiến Phong và Kiến Đăng đều thuộc phủ Kiến Tường (sau này là tỉnh Sa Đéc); tỉnh An Giang có 2 huyện là Hà Am thuộc phủ Tuy Viễn và huyện Đông Xuyên thuộc phủ Tân Thành (sau này là tỉnh Châu Đốc); và tỉnh Hà Tiên có huyện Hà Châu thuộc phủ An Biên¹⁹.

Đến năm 1859, khi Pháp xâm lược Nam Kỳ thì Nam Kỳ đã hoàn toàn thuộc Việt Nam. Năm 1863, Pháp đặt xong chế độ bảo hộ ở Campuchia. Năm 1867, Pháp chiếm xong “Nam Kỳ lục tỉnh”.

Sau khi Campuchia và Nam Kỳ thuộc Pháp, đường biên giới

¹⁸ - Theo tài liệu tập huấn biên giới năm 1997 của Ban Biên giới của Chính phủ - báo cáo số 1.

¹⁹ - Nguyễn Đức Châu, Nguyễn Tuấn Chung: “Ông cha ta bảo vệ biên giới”, NXB Công an nhân dân, Hà Nội 1994, trang 212.

giữa Việt Nam và Campuchia đã từng bước được xác định. Căn cứ vào các tài liệu có liên quan đến quá trình xác định đường biên giới Việt Nam - Campuchia do thực dân Pháp để lại, có thể chia thành hai đoạn biên giới với những cơ sở pháp lý, kỹ thuật và thực tế khác nhau như sau:

- Đoạn biên giới giữa Nam Kỳ và Campuchia dài khoảng 770 km (trên tổng số toàn tuyến dài khoảng 1.137 km) qua sáu tỉnh của Việt Nam ngày nay là Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp, Long An, Tây Ninh, Bình Phước (Thủ Dầu Một trước đây) và một phần tỉnh Đak Lak; tiếp giáp với chín tỉnh của Campuchia ngày nay là Kăm Pốt, Tà Keo, Kan Đan, Prey Veng, Svey Rieng, Kongpongcham và Karatie, Mondulkiri, Ratanakiri.

Đoạn biên giới này đã được hoạch định bằng một thỏa ước ký ngày 9 tháng 7 năm 1870 và một Công ước ký ngày 15 tháng 7 năm 1873 giữa Thống đốc Nam Kỳ và Quốc vương Campuchia; sau đó được điều chỉnh, xác định và làm rõ thêm bằng các nghị định của Toàn quyền Đông Dương (từ năm 1896 đến 1942).

Về cơ bản, đoạn biên giới này đã được hoạch định phù hợp với bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 do Sở Địa dư Đông Dương (Service Ge'ographique de L'Indochine - gọi tắt là SGI) xuất bản sau này và được đánh dấu trên thực địa bằng hệ thống mốc giới (theo Công ước ngày 15 tháng 7 năm 1873 có 124 mốc, nhưng sau đó có sự điều chỉnh và bổ sung nên tổng số là 146 mốc, chưa kể các mốc A, B, C, D và mốc phụ ở Bình Phước). Đáng lưu ý là, các mốc quốc giới cắm trong thời kỳ này có quy cách không thống nhất, chất liệu không bền vững, lại bị phá hoại và dịch chuyển nên đến nay phần lớn đã bị hỏng và bị mất, mốc còn trên thực địa không nguyên vẹn và có mốc ở sai vị trí so với mô tả trong các tài liệu cũ thu thập được.

- Đoạn biên giới giữa Trung Kỳ và Campuchia mới chỉ được thể hiện đầy đủ trên các loại bản đồ của Sở Địa dư Đông Dương, chưa được đánh dấu bằng hệ thống mốc trên thực địa. Tuy nhiên, các loại bản đồ tỷ lệ khác nhau lại thể hiện đường biên giới khác nhau.

2. Vài nét về tiến trình giải quyết biên giới giữa Việt Nam và Campuchia từ sau khi hai nước giành được độc lập (1954) đến hết năm 2000

Ngay sau khi thiết lập nền đô hộ ở Đông Dương, thực dân Pháp đã tiến hành hoạch định biên giới giữa Campuchia và Việt Nam, đồng thời liên tiếp có những điều chỉnh, bổ sung, làm rõ thêm đường biên giới giữa hai nước. Tuy vậy, điều đáng tiếc là đối với biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Campuchia, chúng ta không có bộ bản đồ chính thức đính kèm theo các văn bản để khẳng định đó là bản đồ biên giới pháp lý. Các văn bản pháp lý thường chỉ có kèm theo các sơ đồ, bình đồ nhưng cũng chỉ là những bản vẽ “phác hoạ” không đủ độ chính xác; ngoài ra, do quá trình lưu trữ thay đổi qua nhiều chế độ nên hầu hết các sơ đồ, bình đồ sưu tầm được không đảm bảo chắc chắn là phụ lục của các văn bản pháp lý. Mặt khác, đường biên giới trên các bản đồ của Sở Địa dư Đông Dương xuất bản theo tỷ lệ khác nhau, vào các năm khác nhau thể hiện một số chỗ khác nhau. Riêng đoạn giữa Nam Kỳ và Campuchia tuy đã được đánh dấu trên thực địa bằng hệ thống mốc nhưng phần lớn mốc được làm bằng vật liệu không bền, đã được cắm cách đây hơn 100 năm do tác động của thiên nhiên, chiến tranh nay hầu hết không còn trên thực địa. Các biên bản về mốc không đủ các số liệu kỹ thuật để khôi phục lại các vị trí mốc cũ làm cách đây hàng trăm năm.

Trước năm 1954, tuy chế độ pháp lý của các xứ Nam Kỳ, Trung Kỳ và Cao Miên có khác nhau nhưng đều là những xứ trong Đông Dương thuộc Pháp. Ranh giới giữa các xứ này đã được thực dân Pháp vạch ra và phân định tương đối rõ ràng và đầy đủ trên bản đồ Bonne do Pháp xuất bản trước năm 1954, nhưng đó vẫn chỉ là những ranh giới hành chính nằm dưới sự chỉ đạo quản lý của các quan cai trị người Pháp danh nghĩa được thừa uỷ quyền của “mẫu quốc” Cộng hoà Pháp và tập trung mọi quyền lực vào ông Toàn quyền Đông Dương. Mặt khác, trong thời kỳ này cả Đông Dương là một chiến trường, là sự tranh đấu giữa một bên là thực dân Pháp và một bên là liên minh các nước Việt Nam - Lào - Campuchia kẻ vai sát cánh bên nhau nhằm mục đích chung là thoát khỏi ách thực dân, giành độc lập thực sự cho dân tộc mình, nên vấn đề biên giới lãnh thổ giữa các nước Đông Dương, trong đó có Việt Nam và

Campuchia lúc này không thể đặt ra giải quyết một cách độc lập và lẽ dĩ nhiên là những hoạt động cụ thể về biên giới của hai bên cũng chưa thể được hình thành.

Sau năm 1954, khi thực dân Pháp rút khỏi Đông Dương, không có một Điều ước quốc tế nào được ký kết cũng như không có một văn bản pháp lý nào của các quốc gia liên quan có những qui phạm qui định công nhận hay sửa đổi đường biên giới Việt Nam - Campuchia do nhà cầm quyền thực dân Pháp tạo nên từ trước năm 1954. Mặt khác, ngay sau khi Pháp rút khỏi Đông Dương, đế quốc Mỹ đã can thiệp vào Đông Dương, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ, Campuchia và Lào luôn luôn bị Mỹ phá hoại, lôi kéo và sau đó thiết lập các chế độ bù nhìn thân Mỹ ở các nước này (chế độ cộng hoà của Lon Non ở Campuchia, Chính phủ vương quốc độc lập theo chính thể quân chủ lập hiến). Do vậy, một lần nữa ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia anh em lại sát cánh bên nhau cùng chống lại chế độ thực dân mới của Mỹ, đấu tranh giải phóng đất nước, và vấn đề biên giới lãnh thổ lúc này cũng không có điều kiện đặt ra, hoặc nếu có một số hành động quản lý nào đó thì cũng chỉ là các hành động đơn phương của từng địa phương của hai bên tiến hành.

Tháng 10 năm 1964, quốc trưởng Si Ha Núc đề nghị triệu tập một hội nghị quốc tế để công nhận nền độc lập, trung lập và toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia. Việt Nam Dân chủ cộng hoà và một số nước khác ủng hộ, nhưng Mỹ và Việt Nam Cộng hoà không tán thành.

Năm 1964 và 1966, Việt Nam và chính quyền Si Ha Núc gặp nhau bàn bạc, giải quyết vấn đề biên giới giữa hai nước nhưng không ký kết được văn bản nào về biên giới.

Đến năm 1975 - 1976, chính quyền Pôn Pốt cũng có đôi lần đàm phán với Việt Nam về vấn đề biên giới nhưng kết quả cũng giống như những lần trước đây, hai bên không ký được văn bản chính thức nào: tháng 6 năm 1975, đoàn cán bộ cao cấp của Campuchia sang Hà Nội; tháng 8 năm 1975, đoàn cán bộ cao cấp của ta sang Phnompenh. Hai bên đã cùng nhau bàn bạc giải quyết các vấn đề xảy ra ở biên giới, ta khuyến cáo phía Campuchia đã liên tiếp gây ra các vụ vi phạm lãnh thổ của Việt Nam, phía

Campuchia “cảm ơn” ta nêu cao tình hữu nghị cao cả và nói là “do không rành địa lý nên đã lấn sang Việt Nam gây xung đột đổ máu rất đau xót”! Đồng thời, ở các địa phương cũng có những cuộc tiếp xúc ở cấp quân khu, tỉnh và huyện để giải quyết những vụ việc cụ thể xảy ra trên biên giới. Sau đó, tình hình biên giới có lắng dịu đi. Nhưng chỉ được một thời gian ngắn, đến gần cuối năm 1975, sau khi Campuchia đã dồn hầu hết dân của họ ở gần và trên biên giới lùi sâu vào trong nội địa, đưa quân đội ngày một nhiều ra sát biên giới, đồng thời chiếm đoạt tài sản và đuổi đại bộ phận Việt kiều về nước, biến vùng biên giới Campuchia - Việt Nam thành vùng quân sự thì tình hình biên giới trở lại căng thẳng và từ đó trở đi ngày càng trở nên phức tạp hơn. Đỉnh cao là đầu năm 1977 Khme Đỏ (Pôn Pốt) đã đưa 9 trên tổng số 13 sư đoàn quân chủ lực áp sát biên giới liên tiếp cho quân vượt qua biên giới đánh phá ta. Mục tiêu của các cuộc tấn công quân sự giai đoạn này của Pôn Pốt sang đất ta là nhằm vào dân nên chúng tiến đến đâu là giết sạch, đốt sạch và cướp sạch. Đối với các đồn chốt của công an vũ trang và bộ đội nếu chỉ có lực lượng nhỏ đóng giữ thì chúng tìm cách tiêu diệt, trường hợp không diệt được hoặc gặp các đồn chốt lớn thì bao vây kiểm chế, còn chủ yếu là tập trung lực lượng đánh vào làng xóm của dân nên đã gây rất nhiều thiệt hại cho ta.

Trước tình hình trên, Trung ương Bộ Chính trị ta đã chỉ đạo: vừa phải kiên quyết bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của ta, vừa tranh thủ đoàn kết tạo nên biên giới hữu nghị với Campuchia; tôn trọng lãnh thổ của Campuchia, đưa hết lực lượng, kho tàng của ta, dân ta ở trái phép tại Campuchia về Việt Nam, không xâm phạm một tấc đất của Campuchia, đồng thời cũng phải giữ từng tấc đất của Việt Nam không để Pôn Pốt xâm phạm; tiến hành đàm thoại ở cấp tỉnh và quân khu để giải quyết kịp thời những vụ việc xảy ra ở biên giới, việc nào không giải quyết được thì cố gắng hoà hoãn, xin chỉ thị và chờ Trung ương hai bên giải quyết; các quân khu cần khẩn trương thực hiện kế hoạch quân sự đã đề ra, nhanh chóng điều động lực lượng cần thiết đủ sức hoàn thành nhiệm vụ, thực hiện bao vây các lực lượng Pôn Pốt xâm nhập, yêu cầu họ rút về, nếu ngoan cố và chống lại thì kiên quyết tiêu diệt nhanh gọn và triệt để, chú ý không đánh trên đất Campuchia, giải quyết xong nơi nào thì có kế hoạch

bố phòng bảo vệ và ổn định lâu dài tình hình biên giới; Trung ương Đảng hai bên sớm xúc tiến giải quyết cơ bản vấn đề biên giới giữa hai nước²⁰.

Đầu năm 1979, theo yêu cầu của nhân dân Campuchia, quân đội Việt Nam đã hỗ trợ cùng với quân và dân Campuchia giải phóng đất nước Campuchia thoát khỏi chế độ diệt chủng Pôn Pốt. Nhà nước Cộng hoà nhân dân Campuchia ra đời, đánh dấu một giai đoạn lịch sử mới của đất nước Campuchia. Vấn đề biên giới Việt Nam - Campuchia lại được đặt ra giải quyết. Nhưng khác với những thời kỳ trước đây, nay giải quyết vấn đề biên giới chỉ có hai nhà nước là nước Cộng hoà nhân dân Campuchia và nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngày 18 tháng 2 năm 1979, Việt Nam và Campuchia ký Hiệp ước hoà bình, hữu nghị và hợp tác giữa hai nước, tại Điều 4 của hiệp ước hai bên đã thoả thuận sẽ tiến hành đàm phán để ký một Hiệp định hoạch định biên giới giữa hai nước trên cơ sở đường biên giới hiện tại và xây dựng đường biên giới đó hoà bình, hữu nghị lâu dài.

Thực hiện điều khoản trên, từ năm 1982 đến 1985, nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hoà nhân dân Campuchia đã chính thức gặp nhau đàm phán và đã ký được các Hiệp ước, Hiệp định về biên giới: ngày 7 tháng 7 năm 1982, ký Hiệp định về vùng nước lịch sử Việt Nam - Campuchia; ngày 20 tháng 7 năm 1983 ký Hiệp ước về nguyên tắc giải quyết vấn đề biên giới Việt Nam - Campuchia và Hiệp định về quy chế biên giới Việt Nam - Campuchia; ngày 27 tháng 12 năm 1985 ký Hiệp ước hoạch định biên giới Việt Nam - Campuchia. Từ năm 1986 đến 1988, hai bên đã phân giới trên thực địa được 212 kilômét đường biên giới và cắm được 72/322 mốc tiêu chuẩn dự kiến cắm trên toàn tuyến biên giới theo Hiệp ước 1985. Tháng 01 năm 1989, phía Campuchia lấy lý do kỹ thuật, bản đồ để ngừng việc phân giới cắm mốc, nhưng thực chất là vì lý do chính trị.

Từ năm 1990 đến 1997, có nhiều cuộc gặp gỡ cấp cao hai bên. Hầu hết trong các cuộc gặp gỡ này đều có đề cập đến vấn đề biên giới giữa hai nước, nhưng vì tình hình nội bộ Campuchia có

20 - Chỉ thị của Hội đồng Chính phủ, Ban Bí thư Trung ương đảng.

nhiều diễn biến phức tạp nên việc giải quyết biên giới không thực hiện được. Sự kiện đáng lưu ý trong giai đoạn này là trong chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng thứ nhất Campuchia Ra Na Rít, ngày 17 tháng 01 năm 1995, Thủ tướng Chính phủ hai nước đã ký Thông cáo báo chí, tại Điều 8 có ghi: “Hai bên thoả thuận trong khi chờ đợi giải quyết những vấn đề còn tồn tại về biên giới thì duy trì sự quản lý hiện nay ... không thay đổi, xê dịch các cột mốc biên giới, giáo dục không để nhân dân xâm canh, xâm cư và hợp tác giữ gìn trật tự an ninh biên giới”; trong cuộc họp vòng I của Nhóm công tác cấp chuyên viên về biên giới tháng 5 năm 1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh, hai Bên có quan điểm khác nhau về việc “duy trì sự quản lý hiện nay” nên không ký được văn bản nào về biên giới.

Sự kiện đánh dấu bước ngoặt trong việc giải quyết vấn đề biên giới hai nước thể hiện trong Tuyên bố chung ngày 01 tháng 6 năm 1998, nhân dịp Thủ tướng thứ nhất Chính phủ Hoàng gia Campuchia Ung Huốt thăm hữu nghị chính thức Việt Nam: “... về vấn đề biên giới, hai bên bày tỏ lòng mong muốn xây dựng đường biên giới chung hoà bình, hữu nghị và hợp tác. Hai bên khẳng định tiếp tục tôn trọng các hiệp ước, hiệp định về biên giới trên bộ và trên biển mà hai bên đã ký trong những năm 1982, 1983, 1985” và “nhất trí tiến hành các cuộc họp giữa hai bên để tiếp tục giải quyết các vấn đề tồn tại về biên giới giữa hai nước”. Thực hiện thoả thuận giữa Thủ tướng Chính phủ hai nước, cuộc họp Nhóm công tác cấp chuyên viên về biên giới Việt Nam - Campuchia đã được tiến hành ở Phnompenh từ ngày 16 đến ngày 20 tháng 6 năm 1998. Trong cuộc họp này, về biên giới trên đất liền, hai bên khẳng định sẽ thi hành các Hiệp ước, Hiệp định về biên giới đã ký những năm 1983 và 1985; phía Campuchia hiểu rằng đường biên giới giữa hai nước là đường biên giới được xác lập theo bản đồ tỷ lệ 1/100.000 của sở Địa dư Đông Dương; về đường biên giới trên bộ phía Campuchia thấy rằng hai nước nên ký một Hiệp ước bổ sung, để ghi rõ những nguyên tắc cần áp dụng trong việc hoạch định biên giới trên bộ giữa hai nước. Các nguyên tắc đó là: lấy theo đường đỉnh núi hay đường phân thủy trong trường hợp đường biên giới đi theo núi; lấy đường thalweg (đường nước sâu) trong trường hợp đường biên giới đi theo sông, suối tàu thuyền đi lại được; lấy đường giữa dòng

trong trường hợp sông suối tàu thuyền không đi lại được; có tính đến tình hình quản lý thực tế đối với những vùng nhân dân cư trú từ lâu đời; hai bên đàm phán trên tinh thần bình đẳng, công bằng, tôn trọng các quyền và lợi ích của nhau và thống nhất quan điểm.

Cũng trong cuộc họp này, hai bên thống nhất kiến nghị lên hai Chính phủ cho phép Ủy ban liên hợp tái hoạt động để giải quyết mọi vấn đề trong quan hệ biên giới hai nước và hợp tác lập bộ bản đồ địa hình khu vực biên giới để sử dụng giải quyết các vấn đề biên giới và trong các văn kiện chính thức giữa hai nước về đường biên giới.

Trong bối cảnh tình hình chính trị Campuchia đã đi vào ổn định, cuộc họp vòng I của Ủy ban liên hợp về biên giới Việt Nam - Campuchia đã được tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 22 đến ngày 27 tháng 3 năm 1999. Trong cuộc họp này, hai bên đã thống nhất về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và quy chế hoạt động của Ủy ban liên hợp về biên giới Việt Nam - Campuchia và trao đổi về thành phần của Nhóm chuyên viên liên hợp giữa hai nước; thảo luận và thống nhất được những nguyên tắc cơ bản đàm phán giải quyết các vấn đề biên giới giữa hai nước; về biên giới trên đất liền, hai bên đã thống nhất các nguyên tắc giải quyết vấn đề biên giới trên đất liền trên cơ sở tôn trọng các Hiệp ước, Hiệp định về biên giới đã ký kết năm 1983 và 1985 và kết quả phân giới cắm mốc từ năm 1986 - 1988. Nếu tồn tại những điểm nào chưa hợp lý mà khi xây dựng Hiệp ước hoạch định biên giới 1985 chưa được xem xét, thể hiện chính xác và đầy đủ thì hai bên có thể tiến hành đàm phán thống nhất về hình thức và nội dung của việc điều chỉnh, bổ sung để trình Chính phủ hai nước quyết định. Hai bên cũng thống nhất vận dụng các nguyên tắc của luật pháp và thực tiễn quốc tế trong việc hoạch định đường biên giới đi theo vùng sông núi, sông suối để áp dụng đối với một số khu vực mà đường biên giới chưa được vẽ trên bản đồ, hoặc hai bên đều thấy chưa hợp lý. Hai bên thỏa thuận quản lý biên giới theo Hiệp định về quy chế biên giới Việt Nam - Campuchia ký ngày 20 tháng 7 năm 1983 và thống nhất quản lý biên giới theo đường biên giới đã phân giới cắm mốc, ở những nơi chưa phân giới cắm mốc thì quản lý như đã quản lý trước ngày 17 tháng 01 năm 1995. Trong thời gian cuộc họp vòng I của

Ủy ban liên hợp, Nhóm công tác liên hợp Việt Nam - Campuchia đã tiến hành cuộc họp vòng I để bàn một số vấn đề cụ thể liên quan đến biên giới đất liền và trên biển: về biên giới trên đất liền, phía Campuchia đề nghị điều chỉnh bảy điểm trên bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 đính kèm Hiệp ước hoạch định biên giới ký năm 1985, và hai bên thống nhất sẽ trao đổi chi tiết về vấn đề này trong cuộc họp vòng tới của Nhóm công tác liên hợp.

Cuộc họp vòng 2 của Ủy ban liên hợp đã diễn ra tại Phnompenh từ ngày 23 đến 28 tháng 8 năm 1999. Hai bên đã tiến hành thảo luận và thống nhất một số vấn đề sau: về việc giải quyết bảy điểm do phía Campuchia đưa ra trong cuộc họp vòng I: đối với ba điểm (số 1, 2 và 3) vì lý do kỹ thuật bản đồ (điểm số 1 do địa hình bỏ trống và tiếp biên không khớp, điểm số 3 do tiếp biên không khớp), hai bên thống nhất cùng đi thực địa khảo sát, dùng nền bản đồ địa hình UTM làm căn cứ để xác định địa hình cụ thể trên thực địa, sau khi kiểm tra, hai bên sẽ căn cứ vào các số liệu về địa hình tại mỗi khu vực để thống nhất xác định hướng đi của đường biên giới theo các nguyên tắc đã thoả thuận trong biên bản cuộc họp vòng I của Ủy ban liên hợp; đối với điểm số 3, tại cuộc họp vòng I của Ủy ban liên hợp, phía Campuchia đã trao cho Việt Nam một mảnh bản đồ để nghiên cứu. Tại vòng họp này, chuyên gia hai bên cùng xem xét bản đồ đó, nhưng phía Campuchia không nêu lại việc dùng nó để thay thế cho mảnh bản đồ đính kèm Hiệp ước hoạch định biên giới 1985; đối với điểm số 2 (địa hình bỏ trống và tiếp biên không khớp), phía Campuchia trao cho Việt Nam bản sao mảnh bản đồ Bokham, sau khi nghiên cứu, Việt Nam đồng ý dùng những yếu tố địa hình, địa vật nơi đường biên giới được thể hiện trên mảnh bản đồ này để chuyển vẽ sang khu vực địa hình bỏ trống của mảnh bản đồ kèm theo Hiệp ước hoạch định biên giới 1985 (không phải đường biên giới thể hiện trên bản đồ Campuchia đưa ra); đối với bốn điểm còn lại (số 4, 5, 6 và 7), hai bên nhất trí ghi nhận rằng không liên quan đến kỹ thuật bản đồ, mà chỉ liên quan đến các văn bản do chính quyền thực dân để lại. Phía Campuchia đề nghị giải quyết bốn điểm này dựa trên các nghị định của Toàn quyền Đông Dương. Việt Nam cho rằng đề nghị này nằm ngoài các nguyên tắc hai bên đã thoả thuận nên sẽ nghiên cứu trả lời sau; về việc lập bản đồ địa hình biên

giới giữa hai nước, sau khi nghe Việt Nam trình bày, phía Campuchia đã thống nhất cần phải sớm thành lập bản đồ địa hình biên giới. Tuy nhiên, có thể do chưa có kinh nghiệm trong việc lập bản đồ địa hình biên giới, phía Campuchia đề nghị cần có thêm thời gian để nghiên cứu kỹ hơn các tài liệu kỹ thuật do phía Việt Nam đã trao để báo cáo lên Chính phủ Hoàng gia Campuchia xem xét và thông qua; đối với một số vụ việc chưa được giải quyết, hai bên thống nhất đề nghị các địa phương cần tăng cường trao đổi để cùng nhau giải quyết theo đúng các nguyên tắc và cơ chế đã thông qua trong biên bản cuộc họp vòng I của Ủy ban liên hợp. Trong trường hợp cần thiết, hai bên sẽ cử các Nhóm công tác xuống thực địa đánh giá khách quan tình hình, đề ra các giải pháp cụ thể và thống nhất nội dung công khai trước dư luận, tránh mọi ý đồ xuyên tạc sự thật và hiểu nhầm gây ảnh hưởng xấu đến quan hệ giữa hai nước và tiến trình giải quyết vấn đề biên giới giữa hai nước. Ngoài ra, trong cuộc họp này hai bên còn trao đổi một số vấn đề khác mà hai bên quan tâm.

Thực hiện biên bản cuộc họp vòng 2 của Ủy ban liên hợp, cuộc họp vòng I của Nhóm chuyên viên công tác liên hợp về biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia đã họp tại thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 10 đến 13 tháng 01 năm 2000. Trong cuộc họp này, hai bên đã thống nhất quyết tâm đẩy nhanh tiến trình đàm phán, tổ chức các cuộc họp cấp chuyên viên thường xuyên hơn để thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban liên hợp giao nhằm thực hiện thoả thuận của Lãnh đạo cấp cao hai nước là giải quyết xong vấn đề biên giới Việt Nam - Campuchia trước cuối năm 2000; hai bên thống nhất về mục đích, yêu cầu, tài liệu, thiết bị, phương pháp và kế hoạch khảo sát song phương trên thực địa khu vực điểm số 1 do tiếp biên không khớp, địa hình bỏ trống và khu vực điểm số 3 do tiếp biên không khớp; đồng thời, hai bên cũng thống nhất sẽ tổ chức cuộc họp vòng 2 của Nhóm chuyên viên công tác liên hợp về biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia vào tháng 3 năm 2000 tại Campuchia. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, phải đến cuối tháng 3 năm 2000 hai bên mới hoàn thành việc khảo sát song phương tại thực địa hai điểm số 1 và 3.

Căn cứ biên bản cuộc họp vòng 2 của Ủy ban liên hợp về biên

giới Việt Nam-Campuchia ký tại Phnompenh ngày 28 tháng 8 năm 1999, đoàn đại biểu Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và đoàn đại biểu của Chính phủ Hoàng Gia Campuchia, đã họp vòng 3 Ủy ban liên hợp về biên giới Việt Nam - Campuchia từ ngày 29 tháng 10 đến ngày 5 tháng 11 năm 2000 tại Hà Nội. Trong phiên họp này hai bên đã thống nhất việc điều chỉnh hướng đi tại một số khu vực: khu vực thuộc điểm 1, 2, 3, 6, 7; đối với khu vực số 5: hai bên thống nhất cử nhóm chuyên gia kỹ thuật đi khảo sát thực địa để xác định đường biên giới phù hợp với các nguyên tắc mà hai bên đã thoả thuận; đối với khu vực thuộc điểm số 4: hai bên có quan điểm khác nhau về cơ sở pháp lý hình thành đường biên giới nên việc giải quyết chưa có kết quả. Hai bên tiếp tục trao đổi để tìm ra một giải pháp phù hợp. Về việc điều chỉnh đường biên giới theo sông, suối: hai bên thống nhất áp dụng nguyên tắc và thông lệ quốc tế về biên giới theo sông suối trên toàn tuyến biên giới đất liền giữa hai nước. Cụ thể là: đối với những đoạn biên giới tàu thuyền không đi lại được thì đường biên giới đi theo trung tuyến của dòng chảy chính; đối với đoạn sông suối tàu thuyền đi lại được: đường biên giới đi theo trung tuyến của luồng chính tàu thuyền đi lại.

Trong quá trình giải quyết vấn đề biên giới trên đất liền giữa Việt Nam - Campuchia, để xác định hướng đi của đường biên giới tại các điểm nêu trên mà hai bên còn có nhận thức khác nhau, hai bên dựa vào các yếu tố sau để xem xét áp dụng: các cơ sở pháp lý mà chính quyền thực dân đã sử dụng trong việc xác lập đường biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia; thực trạng quản lý và dân cư sinh sống từ lâu đời; các đặc trưng địa hình phù hợp với các nguyên tắc của luật pháp và thực tiễn quốc tế áp dụng cho việc xác định hướng đi của đường biên giới qua các dạng địa hình khác nhau như: đường phân thủy, đường sông núi, đường nối các điểm cao...

Hai bên thống nhất về việc rà soát bản đồ: để tạo điều kiện thuận lợi về kỹ thuật cho quá trình phân giới cắm mốc đường biên giới đất liền, hai bên thống nhất giao cho chuyên gia mỗi bên tự rà soát đơn phương việc chuyển đường biên giới từ bản đồ tỷ lệ 1/100.000 của Sở Địa dư Đông Dương lên bản đồ UTM tỷ lệ 1/50.000 đính kèm theo Hiệp ước hoạch định biên giới năm 1985. Các chuyên gia của hai bên sẽ gặp nhau để đối chiếu kết quả làm việc và đề xuất các giải

pháp kỹ thuật trình Ủy ban liên hợp xem xét, quyết định.

Theo đề nghị của phía Campuchia, phía Việt Nam sẵn sàng in giúp Campuchia 40 mảnh bản đồ UTM tỷ lệ 1/50.000 có nền địa hình giống nền địa hình bản đồ UTM tỷ lệ 1/50.000 đính kèm theo Hiệp ước hoạch định biên giới năm 1985 với số lượng 5 bộ. Phía Campuchia sẽ cử chuyên gia kỹ thuật sang Việt Nam để trao đổi, thống nhất quy trình kỹ thuật và giám sát việc in bản đồ nói trên. Hai bên thống nhất cần sớm hợp tác tiến hành lập bộ bản đồ địa hình khu vực biên giới trên đất liền giữa hai nước.

II. KHU VỰC BIÊN GIỚI VIỆT NAM - CAMPUCHIA THUỘC PHẠM VI TỈNH BÌNH PHƯỚC

1. Vài nét về lịch sử hình thành đường biên giới, mốc giới Việt Nam - Campuchia thuộc phạm vi tỉnh Bình Phước

Lịch sử hình thành và phát triển của tỉnh Bình Phước cũng như lịch sử hình thành đường biên giới Việt Nam - Campuchia thuộc phạm vi tỉnh Bình Phước luôn gắn liền với tiến trình lịch sử của “lục tỉnh Nam Kỳ” và lịch sử hình thành đường biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Campuchia.

Trong thời kỳ phong kiến (đến trước khi Pháp xâm lược Việt Nam), biên giới nước ta và các nước láng giềng chưa được hoạch định và phân ranh rõ ràng. Đoạn biên giới giữa các tỉnh Biên Hoà và Gia Định cũ với Campuchia cũng vậy, biên giới lúc đó chỉ có ý nghĩa tương đối, chỉ là ranh giới đất đai, rừng núi, sông suối do cư dân hai bên ở các khu vực tiếp giáp nhau làm chủ. Dân cư thuộc bên nào thì toàn bộ rừng núi, đất đai do họ đang sinh sống, canh tác thuộc chủ quyền của bên đó và cương giới được phân biệt bởi dân tộc sinh sống và phong tục tập quán làm ăn sinh sống của cư dân. Mặt khác, do bấy giờ ranh giới giữa hai bên chỉ là đại cương, phần lớn dân cư sinh sống dọc theo biên giới lại là dân tộc ít người, sống du canh du cư, một số lại là các tộc người độc lập chưa quy hoàn thuộc bên nào quản lý nên việc xác định ranh giới quốc gia rất khó khăn.

Trước khi Pháp xâm lược ba nước Đông Dương, đường biên giới Việt Nam - Campuchia thuộc phạm vi tỉnh Bình Phước, là đường biên giới của tỉnh Biên Hoà cũ và một phần đường biên giới của tỉnh Gia Định cũ với Campuchia.

Năm 1859, Pháp tấn công Gia Định. Năm 1862, Pháp chiếm

xong ba tỉnh miền đông Nam Bộ (Biên Hoà, Gia Định, Định Tường). Năm 1867, Pháp chiếm xong ba tỉnh miền tây Nam Bộ (Vĩnh Long, An Giang, Kiên Giang).

Sau khi chiếm được ba nước Đông Dương, thực dân Pháp đã thành lập các đơn vị hành chính mới, chia cắt, điều chỉnh ranh giới giữa ba nước Đông Dương và trong các xứ Đông Dương thuộc Pháp. Pháp chia “Nam kỳ lục tỉnh” thành 20 tỉnh và 2 thành phố là Sài Gòn và Chợ Lớn. Tỉnh Biên Hoà cũ được tách thành ba tỉnh mới là Biên Hoà, Bà Rịa và Thủ Dầu Một (bao gồm một phần đất của tỉnh Gia Định cũ).

Đến khi thực dân Pháp đã thiết lập được nền thống trị ở cả Nam Kỳ và Campuchia, tình hình biên giới giữa Nam Kỳ và Campuchia vẫn diễn ra như vậy. Nhân dân ở hai bên cương giới vẫn tự do khai khẩn, làm ăn, tự do qua lại và thường xuyên xảy ra những tranh chấp phức tạp của cư dân ở vùng biên giới. Bên cạnh đó việc quản lý hành chính của các nhà chức trách hai bên trong thời kỳ này cũng gặp rất nhiều khó khăn, phức tạp. Theo các nhà chức trách Pháp đi nghiên cứu ở vùng biên giới này kể lại rằng, dân ở hai bên cương giới thường hay trốn thuế, khi người Pháp đến thu thuế của dân ở bên đất Việt Nam thì họ nói họ là dân Campuchia, khi gặp dân để thu thuế ở bên đất Campuchia thì họ nói là dân Việt Nam, và khi nhà chức trách Campuchia đến thu thuế thì dân chúng lại nói họ là dân thuộc Pháp!

Tháng 3 năm 1870, Pháp và Cao Miên tiến hành phân ranh trên thực địa từ bờ sông Tôn Lê Tru đến Hưng Nguyên (thuộc Tây Ninh và Long An ngày nay). Ngày 9 tháng 7 năm 1870, Thống đốc Nam Kỳ và Quốc vương Cao Miên ký Thỏa ước hoạch định đoạn biên giới ở vùng này, nhưng do phía Cao Miên khiếu nại nên khi ký Thỏa ước, hai bên chỉ xác nhận đoạn từ bờ Tôn Lê Tru (mốc số 1) đến điểm Tà Sang trên sông Cái Cậy (mốc số 16), huỷ bỏ đoạn từ mốc số 17 đến Hưng Nguyên. Đến năm 1872, hai bên tiếp tục phân ranh trên thực địa từ mốc số 17 đến Hà Tiên. Ngày 15 tháng 7 năm 1873, hai bên ký Công ước ấn định vĩnh viễn đường biên giới giữa Nam Kỳ và Cao Miên từ bờ sông Tôn Lê Tru đến làng Hoà Thành (Hà Tiên), xác định mốc và đánh số từ số 1 đến số 124.

Năm 1889, Pháp thành lập tỉnh Thủ Dầu Một trên địa hạt

phủ Phước Long thuộc tỉnh Biên Hoà cũ. Ngày 26 tháng 7 năm 1893, Thống chế Nam Kỳ ký nghị định thành lập huyện Cần Lẽ²¹ gồm sáu tổng là Thanh An, Cửu An, Minh Ngãi, Quản Lợi, Lộc Ninh và Phước Lễ. Riêng hai tổng Lộc Ninh và Phước Lễ còn có chỉ dụ ngày 12 tháng 3 năm 1914 của Quốc vương Cao Miên sáp nhập hai tổng này vào đất Nam Kỳ vì hai tổng đó là độc lập chưa quy hoàn thuộc bên nào²².

Tuy nhiên, do ranh giới không rõ ràng nên việc quản lý rất khó khăn, phía Campuchia thường xuyên khiếu nại về đất đai nên năm 1910, một Ủy ban hoạch định biên giới được thành lập để nghiên cứu việc hoạch định và phân vạch biên giới ở khu vực này. Ủy ban hoạch định biên giới đã tiến hành khảo sát thực địa, thu thập các tư tài liệu có liên quan, đã tổ chức các phiên họp để bàn bạc thảo luận việc hoạch định biên giới Nam Kỳ và Cao Miên. Đáng lưu ý nhất là trong biên bản phiên họp thứ 3 của Ủy ban ngày 19 tháng 9 năm 1911 tại Sài Gòn đã ghi cụ thể như sau²³:

“Theo báo cáo của ông quan cai trị tỉnh Thủ Dầu Một về việc vạch đường biên giới của tỉnh Thủ Dầu Một và ông đề nghị: kiểm tra và giải quyết tình trạng các tổng Lộc Ninh và Phước Lễ mà ranh giới chưa bao giờ được hoạch định rõ, các tổng này cư trú một số ít dân bản xứ thuộc dân tộc ít người mọi rợ, hầu như hoang dã, ít dân, chỉ có ít nguồn lợi ở tổng Lộc Ninh theo đường Karatie là vùng đất đỏ nằm ở khu vực này. Ranh giới giữa Campuchia và tỉnh Thủ Dầu Một chưa bao giờ được ấn định một cách chính thức và vĩnh viễn. Đến năm 1893 những tin tức mà người ta có được

²¹ - Nghị định của Thống chế Nam Kỳ ngày 26/7/1893 về việc hợp các tổng Thanh An, Cửu An, Minh Ngãi, Quản Lợi, Lộc Ninh và Phước Lễ thành một huyện là Cần Lẽ của tỉnh Thủ Dầu Một: “Điều 1: Tổng người Cambodge Thanh An, tổng người Cambodge và Tanman Cửu An, các tổng người mọi Minh Ngãi, Quản Lợi và các tổng người S'tiêng là Lộc Ninh và Phước Lễ tập trung thành một huyện tên là Cần Lẽ; Điều 2: Các tổng trên cứ ra tất cả 10 người, họ sẽ được rút ra từ những lính bảo an ở các trạm kiểm soát của Cần Lẽ; Điều 3: Sáu tổng của huyện Cần Lẽ được miễn đóng thuế, nhưng họ phải làm cỏ và sửa chữa ba lần hàng năm con đường Kratie từ Chon Thang đến Prek Chriu (tháng 2, 8, 11)” - Dịch từ bản sao tiếng Pháp lưu trữ tại Ban Biên giới tỉnh.

²² - Tài liệu dịch bản sao tiếng Pháp lưu trữ tại Ban Biên giới tỉnh: “... Việc hoạch định biên giới mới sẽ thực hiện giữa Kôngpongcham và Thủ Dầu Một sẽ để cho Nam Kỳ hai tổng Lộc Ninh và Phước Lễ mà các bộ tộc độc lập trước đây đã ở”.

²³ - Theo biên bản phiên họp thứ ba của Ủy ban hoạch định biên giới lúc 9 giờ ngày 19/9/1911 thảo luận về việc nghiên cứu và việc hoạch định biên giới một phần giữa Nam Kỳ (tỉnh Thủ Dầu Một) và Campuchia (tỉnh Karatie) và một phần Nam Kỳ (tỉnh Biên Hoà) và Trung Kỳ (tỉnh Phan Thiết) - Tài liệu dịch từ bản sao tiếng Pháp lưu trữ tại Ban Biên giới tỉnh.

không cho phép thiết lập được ranh giới giữa hai nước một cách chính xác. Ngày 26 tháng 7 năm 1893 nghị định của Toàn quyền Đông Dương cũng không tìm lại được dấu vết để xác định các tổng Lộc Ninh và Phước Lễ.

Bốn năm sau, năm 1897, một uỷ ban được thành lập để chuẩn bị một dự án hoạch định biên giới Nam Kỳ với Campuchia và Trung Kỳ, quyết định giao các tổng đó cho Nam Kỳ vì Nam Kỳ là xứ cai trị trực tiếp.

Kết quả là, từ năm 1893 Nam Kỳ đã thực thi quyền sở hữu thực tế bằng các công việc lớn phát sinh và việc tuân thủ của dân tộc bản xứ vùng độc lập lâu đời của Lộc Ninh và Phước Lễ.

Ông tỉnh trưởng tỉnh Thủ Dầu Một đề nghị điều mà liên quan đến tỉnh của ông để ấn định rõ biên giới Cao Miên và Nam Kỳ:

- Từ điểm sông Cần Lê Chàm gặp Cần Lê Tru, biên giới đi theo bờ hữu ngạn của Cần Lê Chàm đến lúc đổi hướng đột ngột sang hướng bắc rồi đi xiên chảy theo dòng lớn về hướng đông. Như vậy tạo thành đường thẳng tới điểm giao của Prek Chriu với đường Karatie.

- Biên giới chuyển hướng đông và đi theo hướng đông dọc bờ tả của Prek Chriu kéo dài đến Đak Jekman, chạy dọc theo Đak Jekman quay lên hướng bắc và đến sông Bé là ranh giới giữa tỉnh Biên Hoà và tỉnh Thủ Dầu Một.

Theo ông Galtiel, Khâm sứ Karatie, đường biên giới cũ đi qua Cần Lê Chàm một đoạn rồi gặp Cần Lê Tru được đánh dấu bằng mốc số 3, từ mốc số 3 biên giới đi một đoạn theo hướng đông bắc rồi chuyển hướng đông đến Cần Lê Tru ở mốc số 1 gần nơi mà con sông này chảy qua con đường thực dân từ Thủ Dầu Một đến Karatie. Đường biên giới này từ lâu không được Nam Kỳ tôn trọng, cuộc lấn chiếm xảy ra giữa mốc số 1 và mốc số 3 rồi không ngừng phát triển lên phía bắc, biên giới thực tế đã hình thành ngay. Từ mốc số 3 theo đường thalweg của Cần Lê Chàm rồi bắt đầu từ điểm nguồn của sông này gặp đường thực dân số 13, biên giới cắt theo hướng đông bắc tới dòng Đak Jekman rồi đi tiếp theo sông Đak Jekman về phía đông rồi chuyển hướng đông nam làm cho Cao

Miền mất cả vùng đất rộng lớn ở khu vực sông Bé do người S'tiêng không chịu thuận phục đang sinh sống.

Theo ông khâm sứ Karatie, không thể thoả thuận để vạch đường biên giới mới không còn tồn tại nữa là đường từ điểm giữa lưu vực sông Mê Công và Đồng Nai vì đường từ điểm này được thể hiện chút ít và rất khó hoạch định trên thực địa. Ông khâm sứ chính thức đề nghị, biên giới bắt đầu từ phía đông mốc số 3 đi theo thalweg của Cản Lê Chàm đến gặp đường thực dân số 13, từ đó đường biên giới đi theo hướng đông bắc, qua hướng đông của nguồn sông Prek Chriu tới gặp Đak Jekman và đi theo thalweg của Đak Jekman hướng đông tới nguồn của Đak Jekman. Từ đây theo một đường hướng đông nam tới hợp lưu của Đakle' và Đak Huyt rồi theo đường hợp lưu của kênh và sông Bé, cuối cùng theo thalweg của sông Bé tới gặp biên giới Trung Kỳ.

Như vậy, dễ dàng xác định được những khác nhau giữa đề nghị của ông tỉnh trưởng Thủ Dầu Một và ông khâm sứ Karatie.

Sau khi trao đổi các quan điểm cuộc thảo luận khá dài, ông khâm sứ thừa nhận và tuyên bố không bảo lưu các đề nghị của ông ta.

Sau khi thoả thuận, Ủy ban hoạch định biên giới đã quyết định ấn định đường biên giới theo cách sau: Đường biên giới xuất phát từ mốc số 3 theo thalweg của Cản Lê Chàm tới khuỷu sông này chuyển hướng đông, từ đây là đường biên giới hơi xiên hướng tây bắc đi tới chỗ giao của Prek Chriu và con đường từ Thủ Dầu Một đi Karatie. Từ đây biên giới đi theo Prek Chriu tới nguồn của nó và đi tiếp theo đường thẳng gần như song song với vĩ tuyến 12 đến điểm giao của Đak Jekman với nhánh sông của Đak Jekman, biên giới đi tiếp theo Đak Jekman tới nguồn của nó rồi chuyển hướng đông nam theo hướng gần trùng với đường thẳng về hợp lưu Đak Huyt, nhánh của sông Bé và Đakle' rồi đi tiếp ngược dòng Đak Huyt tới nguồn của nó. Biên giới đi tiếp như vậy, uốn khúc quanh co theo đường phân thủy giữa lưu vực sông Mê Công và lưu vực sông Bé và sông Đồng Nai tới điểm nằm giữa các nguồn của sông D'pour và D'clum, nơi này D'clum rẽ nhánh tạo thành một bên là nhánh biên giới giữa Trung Kỳ và Nam Kỳ và một bên là biên giới giữa Trung Kỳ và Cao Miên".

Ủy ban hoạch định biên giới đã báo cáo kết quả nghiên cứu và

để án hoạch định lên Toàn quyền Đông Dương. Ngày 31 tháng 7 năm 1914, Toàn quyền Đông Dương đã ký nghị định, tại Điều 3 ghi như sau: “biên giới giữa tỉnh Thủ Dầu Một và Kongpongcham, Karatie từ ngã ba Cần Lê Chàm và Cần Lê Tru theo sông Cần Lê Chàm đến điểm đường biên giới bỏ hướng bắc vòng một khuỷu lớn về hướng đông, điểm này được đánh dấu bằng chữ A trên bản đồ kèm theo nghị định. Biên giới theo đường thẳng đến điểm B tại điểm giao nhau giữa Prek Chriu và đường cái Karatie, quay sang hướng đông theo dòng chảy Prek Chriu cho tới nguồn của nó (điểm C), biên giới tiếp tục theo đường thẳng tới điểm D, tại đây lại gặp ĐakJekman hay Đ’Jekman (sông Măng) theo dòng chảy Đ’Jekman cho tới nguồn, tới ngã ba Đakle’ và Đak Huyt, biên giới theo Đak Huyt cho tới nguồn của nó”²⁴.

Đáng lưu ý là, lời văn trên đây trong nghị định khi mô tả đường biên giới theo sông là theo dòng chảy và theo nguồn của sông, nhưng ký hiệu biên giới vẽ theo sông trên bản đồ lại thể hiện sông Cần Lê Chàm thuộc Việt Nam, Prek Chriu thuộc Campuchia, Đ’Jekman thuộc Việt Nam, Đak Huyt thuộc Campuchia; bản đồ vẽ biên giới cuối nguồn Đak Huyt là Đak Dang, đoạn Đak Dang tiếp giáp Đắc Lắc ngày nay là biên giới giữa Bình Phước và Mondulkiry của Campuchia; cũng theo Điều 3, đã mặc nhiên bỏ đoạn biên giới từ mốc số 1 và mốc số 2 đã được xác định bởi công ước ngày 15 tháng 7 năm 1873 cắt từ Tây Ninh nhập vào Thủ Dầu Một (Bình Phước ngày nay).

Đến ngày 15 tháng 9 năm 1915, Tổng thống Cộng hoà Pháp ký sắc lệnh về việc chuyển đổi lãnh thổ giữa các xứ trong Liên bang Đông Dương thuộc Pháp, đã chuẩn y một số nghị định do Toàn quyền Đông Dương ký và ban hành trước đó, trong đó có nghị định ngày 31 tháng 7 năm 1914. Nghĩa là việc ấn định đường biên giới giữa tỉnh Thủ Dầu Một với Campuchia như tại Điều 3 đã được Tổng thống Cộng hoà Pháp chuẩn y và hoàn toàn phù hợp với luật pháp đương thời, đường biên giới đó đã được thể hiện đầy đủ trên bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 do Sở Địa dư Đông Dương xuất bản trước năm 1954²⁵. Trong thời kỳ này, Pháp đã cắm trên đường biên giới Bình Phước - Campuchia 4 mốc chính A, B, C, D và 10 mốc phụ a, b, c, d, e, f, g, h, i và j (ngoài ra còn có mốc số 1 và mốc số 2 cắm năm 1870, nhưng sau đó đã bị huỷ bỏ).

²⁴-Tài liệu dịch từ bản sao tiếng Pháp lưu trữ tại Ban Biên giới tỉnh.

Hiện nay chưa tìm được đầy đủ các tài liệu pháp lý cũng như sơ đồ vị trí mốc nên không thể khôi phục lại toàn bộ các mốc đó trên thực địa.

2. Đặc điểm, tình hình khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia thuộc phạm vi tỉnh Bình Phước

Đường biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Campuchia thuộc phạm vi tỉnh Bình Phước nối tiếp với đường biên giới giữa tỉnh Đắc Lắc và Campuchia tại điểm hợp lưu sông Đak Huyt (mảnh bản đồ Bonne 192W tỷ lệ 1/100.000) đến điểm tiếp giáp với đường biên giới giữa Tây Ninh và Campuchia tại điểm hữu ngạn sông Tôn

²⁵- Đường biên giới Việt Nam - Campuchia thuộc phạm vi tỉnh Bình Phước được hoạch định trên bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 thông dụng trước năm 1954 (theo bộ bản đồ chuẩn) bao gồm 5 mảnh bản đồ sau: Poste Maitre 192W (xuất bản năm 1950, in lại năm 1953), Ski Khtum 191E (xuất bản năm 1952, tái bản năm 1953), Lọc Ninh 201E (xuất bản năm 1929, hiệu chỉnh năm 1951, tái bản năm 1954), Lọc Ninh 201W (xuất bản năm 1929, hiệu chỉnh năm 1951, tái bản năm 1953) và Mi Mốt 200E (xuất bản năm 1929, hiệu chỉnh năm 1951, in lại 1951). Đường biên giới trong bộ chuẩn này đã được kiểm tra, đối chiếu với các loại bản đồ có cùng chiều hình, cùng tỷ lệ và khác tỷ lệ, khác chiều hình với các kết quả sau đây:

- So với đường biên giới trên các bản đồ Bonne khác có cùng tỷ lệ 1/100.000 do Pháp in, Nha Địa dư Sài Gòn in lại của Pháp, Nha Địa dư Hoàng gia Campuchia in lại: Đoạn biên giới nối từ nguồn D'Jekman với Đak Huyt, các bản đồ của Pháp in từ năm 1951 trở về trước chưa có hiệu chỉnh. Sài Gòn in lại giống Pháp. Nha Địa dư Hoàng gia Campuchia vẽ lại một đoạn cắt sâu vào đất Việt Nam khoảng 1000 mét, dài 4000 mét khác với mảnh Lọc Ninh 201E xuất bản năm 1929, hiệu chỉnh năm 1951, tái bản năm 1954; Đoạn biên giới từ điểm thượng nguồn Đak Huyt trong bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 do Campuchia gửi cho ta tháng 3 năm 1964, Campuchia đã cạo sửa vẽ theo Đak Huyt sâu vào đất Việt Nam một khu vực khoảng 52 kilômét vuông.

- So với đường biên giới trên bản đồ Gauss tỷ lệ 1/100.000 của quân đội ta in, đường biên giới phần lớn vẽ nháp hoặc là dựa vào đường quốc giới trong bản đồ hành chính nên không dùng để làm căn cứ phân vạch hoặc quản lý biên giới được.

- So với đường biên giới trên bản đồ UTM tỷ lệ 1/100.000 và tỷ lệ 1/50.000 do Nha Địa dư Sài Gòn in lại của Mỹ, có ưu điểm là địa hình mới đã được bổ sung, chi tiết ký hiệu địa hình rõ ràng những đường quốc giới chưa minh định.

- So với đường biên giới trên bản đồ Giao thông Pháp in năm 1950 tỷ lệ 1/400.000 và bản đồ hành chính do Cục Đo đạc và Bản đồ Nhà nước ta in năm 1964 - 1968 tỷ lệ 1/100.000 và 4 mảnh phía Nam tỷ lệ 1/200.000 Gauss in năm 1965 thì đường biên giới có hình dáng giống nhau nhưng vì tỷ lệ quá nhỏ nên chưa phát hiện có gì sai lệch lớn.

- So với đường biên giới quản lý thực tế của địa phương thời kỳ năm 1976 (theo báo cáo của Ban liên lạc tỉnh Sông Bé cũ, do đồng chí Trần Văn Hứa phụ trách): Campuchia có ý đồ lấy đường kiểm lâm 13 làm đường biên giới giữa hai nước ở đoạn này. Họ đã đưa một đại đội đóng tại điểm cao 102 và cho một nhóm xâm canh sang đất ta ở khu vực bên trong đường kiểm lâm 13 một khu vực khoảng 10 ha. Ban Liên lạc tỉnh Sông Bé và tỉnh Kôngpongcham đã thoả thuận tạm thời lấy đường kiểm lâm 13 làm ranh giới để đi tuần tiểu (tháng 10 năm 1976). Từ sau đó, Campuchia đã rút lực lượng nhưng vẫn giữ ý kiến là đường kiểm lâm 13 là đường biên giới sâu vào đất ta khoảng 1.500 mét. Về phía ta, năm 1970 để phục vụ cho nhiệm vụ quân sự chống Mỹ bảo vệ căn cứ cách mạng, công binh của ta đã làm một con đường vận chuyển nổi từ lộ 17 chạy qua mỏm Kennodi sâu vào đất Campuchia khoảng 5.000 mét, đến năm 1975 - 1976 có tranh chấp biên giới ta đã bỏ đoạn đường này và lập đồn biên phòng Tà Vát ở đất ta trên lộ 17.

Lê Chàm (mảnh bản đồ Bonne 210E tỷ lệ 1/100.000) có chiều dài khoảng 212 kilômét. Hiện tại, theo các tài liệu của tỉnh ta đang quản lý khoảng 240 kilômét, trong đó có bốn đoạn đường biên giới dài khoảng 203,9 kilômét đi theo sông suối (sông Tôn Lê Chàm, suối Prek Chriu, Đak Jekman và suối Đak Huyt) và ba đoạn đường biên giới dài khoảng 35,4 kilômét đi theo đất liền (từ mốc cũ A đến mốc cũ B, từ mốc cũ C đến mốc cũ D, và từ ngọn nguồn Đak Jekman đến tiếp giáp Đak Huyt).

Trong thời kỳ thuộc Pháp, đã cắm trên đường biên giới Bình Phước - Campuchia 4 mốc chính (A, B, C, D) và 10 mốc phụ (a, b, c, d, e, f, g, h, i, j). Hiện nay, trên thực địa chỉ tìm thấy 4 mốc chính A, B, C, D và một mốc phụ a, nhưng các mốc này phần lớn bị đập phá, hư hỏng²⁶. Theo Hiệp ước hoạch định biên giới Việt Nam - Campuchia ký năm 1985, hai bên đã hoạch định đường biên giới và dự kiến cắm trên tuyến biên giới của tỉnh 19 mốc quốc giới (từ mốc D.5 số thứ 66 đến mốc G-1 số thứ 85)²⁷, nhưng hai bên chưa triển khai phân giới cắm mốc trên thực địa.



Hình 7

Mốc A

²⁶ - Mốc quốc giới cắm thời thuộc Pháp (Phụ lục 2.1).

²⁷ - Mốc quốc giới dự kiến cắm theo Hiệp ước hoạch định biên giới ký năm 1985 (Phụ lục 2.2).



ảnh 8
Mộc B



ảnh 9
Mộc C



ảnh 10
Mộc D



ảnh 11
Mộc a (phụ)

Khu vực biên giới tỉnh Bình Phước (Việt Nam) có hai huyện biên giới và 12 xã biên giới là: huyện Lộc Ninh có 10 xã : Hưng Phước, Thiện Hưng, Thanh Hoà, Tân Tiến, Tân Thành, Lộc Hoà, Lộc An, Lộc Tấn, Lộc Thiện và Lộc Thành; huyện Phước Long có 2 xã: Bù Gia Mập, Đắc Ô. Diện tích 1.356,81 kilômét vuông, dân số 83.981 người, trong đó người Việt chiếm khoảng 76%, đồng bào dân tộc ít người có 20.151 người (khoảng 24%), gồm dân tộc S'tiêng, Tày, M'ông, Khmer, Nùng... - số liệu thống kê năm 1997⁽²⁸⁾ . Tiếp giáp phía Campuchia có 3 tỉnh, 4 huyện, 8 xã biên giới là: tỉnh Mondulakiri, huyện Ô Răng có một xã Xen Nơ, huyện Keosima có xã Oam và xã Bù Gia Neng; tỉnh Karatie có huyện Sanuol gồm các xã : Solecha, 2/12, Bithanu; tỉnh Kongpongcham, huyện Mi Mốt có 2 xã Tuần Lung và Caraviên.

Địa hình dọc theo đường biên giới của tỉnh là một khu vực rừng bằng, núi đất. Đại bộ phận đường biên giới (khoảng 74%) được Pháp hoạch định theo địa hình tự nhiên như sông Đak Huyt, sông ĐakJekman, Prek Chriu, sông Tôn Lê Chàm. Có hai đoạn biên giới cắt thẳng qua rừng rậm là đoạn A-B và đoạn C-D được đánh dấu trên bản đồ và ngoài thực địa bằng các mốc quốc giới A, B, C, D và một đoạn được hoạch định từ ngọn nguồn của Đak Jekman đến giáp sông Đak Huyt cắt qua các loại địa hình nối với sông Đak Huyt. Địa hình khu vực biên giới có thể chia làm hai vùng: vùng biên giới từ Tà Vát đến Hoàng Diệu có địa hình tương đối bằng phẳng, núi đất thấp, phần lớn là rừng cây dầu, cây tre, bầu nước, lồ ô, cỏ gai; vùng biên giới từ bắc Hoàng Diệu đến giáp Đắc Lắc có địa hình hiểm trở, phức tạp, có nhiều núi, thấp nhất là 200 mét, cao nhất là 625 mét, có nhiều cây to xen kẽ là tre gai, lồ ô, có nhiều muối, vát. Phía bắc sân bay Bù Gia Mập cũ là rừng cấm thiên nhiên, đất đai màu mỡ, có tiềm năng dồi dào để phát triển kinh tế. Hiện nay, Bộ quốc phòng đã xây dựng đề án kinh tế kết hợp an ninh quốc phòng dọc theo toàn bộ tuyến biên giới của tỉnh.

Cũng giống như thời tiết khí hậu chung toàn tỉnh, thời tiết khí hậu trong khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia thuộc phạm vi tỉnh Bình Phước thuộc khí hậu nhiệt đới gió mùa. Trong năm có hai mùa rõ rệt, mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10 dương lịch, mùa

²⁸ - Thống kê khu vực biên giới tỉnh Bình Phước (Phụ lục 5).

khô từ tháng 11 đến tháng 3 dương lịch năm sau. Trong mùa mưa, thường có mưa to, nước ở các sông suối chảy xiết, đi lại rất khó khăn. Trong các tháng 7, 8 và 9 thường có mưa dầm, trên khu vực biên giới hầu như không có bão mà chỉ chịu ảnh hưởng của những cơn bão gần, tuy có mưa nhiều nhưng lượng mưa trung bình hàng năm chỉ khoảng trên 2000 mm và nhờ có lượng mưa điều hoà nên hầu hết các loại cây trồng đều phát triển nhanh. Mùa khô thường rất nóng, nhiều đoạn sông suối bị cạn nên dân có thể qua lại dễ dàng gây rất nhiều khó khăn cho việc quản lý biên giới. Nhiệt độ vào mùa mưa trung bình khoảng 29 độ, cuối mùa mưa đầu mùa khô thời tiết thường se lạnh, có khi rất lạnh; trong mùa khô, thời tiết khô hanh và oi bức, mỗi ngày có từ 5 - 7 giờ nắng, nhiệt độ thường từ 35 - 37 độ nhưng thời gian nóng bức này thường chỉ kéo dài hơn một tháng, sau đó nhiệt độ giảm dần để chuẩn bị đón nhận những cơn mưa đầu mùa.

Các đường giao thông chính từ nội địa của Việt Nam qua biên giới sang Campuchia gồm có: quốc lộ 13⁽²⁹⁾ từ thành phố Hồ Chí Minh qua Lộc Ninh đến tỉnh Karatie, đoạn từ thành phố Hồ Chí Minh đến Lộc Tấn (km 128) là đường cấp 3 bê tông trải nhựa, đoạn từ Lộc Tấn đến biên giới (km 142+500) dài khoảng 14,5 kilômét là đường cấp 5 có mặt đường rộng 5,5 mét, nền rộng 8,5 mét và đoạn nối tiếp từ biên giới đến tỉnh Karatie của Campuchia là đường đất đỏ; tỉnh lộ 17 nối từ quốc lộ 13 ở ngã ba Đồng Tâm (Lộc Ninh) qua biên giới đến huyện Mi Mốt, tỉnh Kongpongcham; đường ĐT 748 nối từ quốc lộ 13 từ ngã ba Lộc Tấn (Lộc Ninh) theo dọc biên giới đến cầu Hoàng Diệu (dài khoảng 40,53 kilômét) qua biên giới đến huyện Keosima, tỉnh Mondulkyry; đường liên tỉnh lộ 14B (đường Gerber) từ Bù Đốp (Lộc Ninh) chạy dọc theo biên giới đến tỉnh Đắc Lắc và các tỉnh Tây Nguyên. Ngoài ra còn có một số đường đất từ trung tâm huyện đến các xã biên giới, từ các xã biên giới đến các đồn biên phòng và khoảng trên 60 đường mòn, đường tiểu mạch cắt qua hoặc dọc theo biên giới.

Đến cuối năm 2000 cơ sở hạ tầng được đầu tư đến các xã

²⁹- Theo lời kể của ông Giang Văn Năm sinh năm 1918 - cư trú xã Lộc Tấn, Lộc Ninh, Bình Phước - quốc lộ 13 được hình thành từ thời nhà Nguyễn, lúc đó Nguyễn Ánh bị Vua Quang Trung đánh đuổi chạy lánh nạn sang Xiêm La, do đó mới mở một đường mòn (tức đường quốc lộ 13 ngày nay)

biên giới như: giao thông, điện, y tế, giáo dục... , góp phần đáng kể trong việc phát triển kinh tế xã hội, củng cố an ninh quốc phòng.

Về đường thủy, dọc theo biên giới có sông Tôn Lê Chàm, sông Đak Huyt, Đak Jekman, Prek Chriu. Sông Tôn Lê Chàm là một nhánh của sông Sài Gòn (địa phương quen gọi là sông Sài Gòn), rộng từ 7 - 15 mét, độ sâu vào mùa mưa từ 1 - 4 mét nhưng vào mùa khô chỉ còn từ 0,5 - 1,5 mét, mùa mưa nước sông chảy xiết, bờ sông có nhiều đoạn dựng đứng, cỏ cây rậm rạp, khó qua lại; sông Prek Chriu là một nhánh của sông Ch'Long của Campuchia, rộng từ 3 - 7 mét, sâu từ 1 - 2 mét, mùa mưa hai bên bờ sông cỏ cây rậm rạp, nước dâng cao, bờ có nhiều đoạn dựng đứng khó qua lại, mùa khô có nhiều đoạn khô cạn, qua lại dễ dàng; sông Đak Jekman (địa phương quen gọi là sông Măng) cũng là một nhánh sông Ch'Long của Campuchia, chảy trên địa hình rừng non, có nhiều cây dầu và cây to xen kẽ, sông rộng từ 4 - 10 mét, độ sâu về mùa mưa từ 1,5 - 5 mét, hai bên bờ cỏ cây rậm rạp khó qua lại, mùa khô nước cạn hơn chỉ còn độ sâu từ 1 - 2 mét, thượng nguồn khô, nước đọng vũng không chảy nên qua lại dễ dàng hơn; sông Đak Huyt là một nhánh sông Bé, mùa mưa rộng từ 40 - 70 mét, sâu từ 5 - 7 mét, mùa khô nước chỉ còn độ sâu từ 1-3 mét, chảy qua địa hình rừng già, phần lớn là cây to xen kẽ tre gai, lồ ô, cỏ tranh, cỏ gai, có một số núi cao từ 250 - 350 mét, nước chảy chậm, hai bên bờ rậm rạp, vách dựng đứng, qua lại rất khó khăn kể cả mùa khô và mùa mưa.

Các sông suối biên giới của tỉnh Bình Phước độ rộng không lớn, về mùa khô nhiều đoạn bị cạn, mùa mưa nước có dâng cao hơn, tốc độ dòng chảy trung bình, hai bên bờ sông suối đều rậm rạp, các tàu thuyền lớn không thể qua lại được. Do vậy, không thể sử dụng các sông suối này vào việc giao thông vận chuyển thường xuyên, chỉ có thể sử dụng bè, mảng đi lại trong mùa mưa để tuần tra, bảo vệ biên giới³⁰

Theo Hiệp định về quy chế biên giới Việt Nam - Campuchia ký năm 1983, tỉnh có một cửa khẩu chính là cửa khẩu Bonuê (Hoa Lư), nằm trên quốc lộ 13 đi Sanuol (Ka ratie), có chợ biên giới ở cách cửa khẩu khoảng 500 mét trong đất Việt Nam. Ngoài ra, hiện

³⁰- Thống kê giao thông trong khu vực biên giới của tỉnh (Phụ lục 3).

nay tỉnh còn có 2 cửa khẩu phụ đang hoạt động là cửa khẩu Sông Măng (đồn Biên phòng 797 - Cầu Trắng quản lý) và cửa khẩu Hoàng Diệu (đồn Biên phòng 789 - Hoàng Diệu quản lý), nhưng hai cửa khẩu phụ này chưa được chính quyền địa phương hai bên ký kết các văn bản pháp lý chính thức về thủ tục mở cửa khẩu, cũng như quy chế hoạt động, hiện tại lưu lượng người qua lại ở hai cửa khẩu này còn hạn chế.

Cư dân biên giới của tỉnh Bình Phước được bố trí tương đối tập trung, chỗ gần nhất cách biên giới khoảng 4 - 5 kilômét, xa nhất cách biên giới khoảng 15 - 30 kilômét. Quan hệ qua lại của nhân dân hai bên biên giới tương đối tốt. Nhìn chung, cư dân biên giới phía ta có truyền thống cách mạng trong các cuộc kháng chiến trước đây, có trình độ giác ngộ chính trị khá. Tuy nhiên, những năm gần đây vấn đề di dân tự do và đến tạm trú làm ăn trái phép ở khu vực biên giới luôn diễn biến phức tạp. Bên cạnh đó có một bộ phận dân cư nhất là đồng bào dân tộc, do đời sống khó khăn, thiếu vốn sản xuất, thiếu việc làm, chưa có kinh nghiệm sản xuất, sự giác ngộ chính trị, nhận thức về chủ quyền biên giới quốc gia cũng như ý thức bảo vệ biên giới còn hạn chế, có một số ít nghiện hút ma túy. Đây chính là điều kiện để kẻ địch và phần tử xấu lợi dụng ẩn náu hoạt động phá hoại an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới, đồng thời cũng là nguyên nhân chính dẫn đến vượt biên buôn lậu và vi phạm quy chế biên giới

PHẦN BA
BIÊN NIÊN SỰ KIỆN BIÊN GIỚI VIỆT NAM -
CAMPUCHIA THUỘC PHẠM VI TỈNH BÌNH PHƯỚC
(TỪ 1954 ĐẾN HẾT NĂM 2000)

I. GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975

(1) Ngày 14 tháng 8 năm 1956, ông Phụ tá Bộ Quốc phòng gửi công văn số 2494/VP/QP/M cho ông Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống báo cáo về việc: ngày 21 tháng 7 năm 1956, một trung đội 30 quân Miên do một sỹ quan chỉ huy vượt biên giới dựng lều tại ranh giới Lộc Ninh - Sanuol cách đường biên giới khoảng 400 mét, một đội quân tuần tiễu cách đường biên giới 1000 mét về phía Việt Nam. Theo nhận xét của các nhà cầm quyền địa phương thì đây là một sự nhầm lẫn chứ không phải là một sự xâm phạm lãnh thổ.

(2) Ngày 21 tháng 8 năm 1956, Tổng Giám đốc Bảo an có công văn số 1155/TBA/VP/TB/M gửi Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống về việc Chính phủ Cao Miên tăng cường lực lượng tại biên giới Việt - Miên. Trong công văn có đoạn viết: “ ... Hiện nay tất cả các đồn bốt của Miên trên biên giới dọc theo sông Sô Thượng và Sô Hạ được bổ sung thêm quân số, đồng thời Chính phủ Cao Miên lại đóng thêm đồn bốt.. ”

(3) Ngày 26 tháng 12 năm 1957, Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống gửi ông Phụ tá Bộ Quốc phòng và ông Bộ trưởng Ngoại giao công văn số 3027/BPTT/M, có đoạn viết: “ít lâu nay, Phủ Tổng thống chỉ thị cho các tỉnh biên giới phải tổ chức các cuộc kinh lý để dò xét lại tình hình, thăm viếng và kiểm soát dân chúng ở các nơi xa lánh. Nhiều tỉnh đã tiến hành công việc kể trên, song hầu hết đều nhận thấy rằng đường ranh giới mập mờ, không có hoặc không có vết tích gì khả dĩ phân biệt được, vì thế đã xảy ra nhiều vụ tràn qua biên

giới đất Miên, Lào hay ngược lại, người của Miên, Lào tràn qua Việt Nam.

Sau sự can thiệp của Phủ Tổng thống, Nha Địa dư có gửi cho những bản đồ các tỉnh miền Nam có biên giới với Cao Miên, cùng các bản sao Nghị định của Toàn quyền Đông Dương ấn định ranh giới. Quý bộ cũng vừa xác nhận các văn kiện đó trong công văn số 3818/VP/M/BB ngày 19 tháng 12 năm 1957 và đề nghị thoả thuận với Miên để xem xét và chỉnh đốn lại các trụ mốc đã có...

Hiện nay, vì tình hình bang giao Việt - Miên chưa tiện khởi xướng họp bàn về vấn đề biên giới, nhất là đưa ra những văn bản cũ thời Pháp thuộc vì chưa chắc Miên đã thừa nhận chính thức. Tuy nhiên, không vì thế mà có thể để trong tình trạng quá mập mờ, nên tôi thiết nghĩ cứ mặc nhiên coi những bản đồ và văn kiện cũ như vẫn có giá trị. Song, Nha Địa dư phải cử chuyên viên xuống các tỉnh nhận xét tại chỗ và dò xét lại một cách kín đáo các dấu tích cũ. Nếu còn mà hư thì sửa lại cho rõ ràng. Nếu mất rồi nhưng có thể theo bản đồ cũ mà nhận lại, thì cắm dấu hiệu một cách gián tiếp địa phận của ta, tỷ dụ như biển “cấm săn bắn ban đêm”, “phòng nạn cháy rừng”, biển công chánh chỉ rõ những chỗ khó đi, chỉ phương hướng hay tên làng xóm ... “.

(4) Ngày 12 tháng 4 năm 1958, Tỉnh trưởng tỉnh Bình Long gửi công văn số 754/VP/M cho ông Bộ trưởng Nội vụ Sài Gòn, báo cáo về việc quân nhân Cao Miên tràn vào sóc Cretenot do tên Nhím chỉ huy và tên này đã xui quân nhân bắt 1 con bò của ông Điều Pren, trị giá 500 \$. Đồng thời tỉnh yêu cầu Bộ can thiệp với Chính phủ Miên: buộc tên Nhím phải bồi thường số tiền 500\$ cho ông Điều Pren, và cấm quân nhân không được tràn qua biên giới.

(5) Ngày 29 tháng 4 năm 1958, Tỉnh trưởng tỉnh Bình Long gửi công văn số 900/VP/M cho ông Bộ trưởng Nội vụ Sài Gòn, báo cáo về việc bắt hai người Miên vượt biên giới đến ấp 7, xã Lộc Thành đã bị Hội đồng sở tại bắt giữ và công an Lộc Ninh giao cho Ty công an lập hồ sơ.

(6) Ngày 2 tháng 5 năm 1958, Đại tá Tổng Giám đốc bảo an gửi công văn số 1417/TBA/AN/TB/an/M cho ông Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống báo cáo về việc ngày 10 tháng 3 năm 1958 binh sỹ

bảo an đồn An Bình (Phước Long) bắt 5 người Miên đem về đồn gây thương tích. Việc này đã được Tỉnh đoàn trưởng Bảo an Phước Long giải quyết như sau:

- Phạt viên đồn trưởng 15 ngày tù quân và thuyền chuyển đi nơi khác, nếu tái phạm sẽ sa thải.

- Cho nhân viên đến gia đình người Miên bị đánh xin lỗi.

(7) Ngày 9 tháng 5 năm 1958 tỉnh Trưởng tỉnh Phước Long gửi công văn số 662/VP/M cho ông Chánh án Tòa rộng quyền Biên Hoà về việc binh sĩ Bảo An, đồn An Bình bắt 5 người Miên về đồn gây thương tích: phúc đáp chiếu thượng hỏi ý kiến thiêm tĩn về việc binh sĩ Bảo An, đồn An Bình bắt 5 người Miên về đồn gây thương tích. Trăn trọng trình ông Chánh án, hành động trên trái với Hiến Pháp Cộng hoà tôn trọng nhân vị, lại gây hoang mang cho đồng bào thượng tại đây tưởng rằng họ đã mất quyền tự do tín ngưỡng, thiêm tĩn xin ông Chánh án trừng trị gắt gao để làm gương.

(8) Ngày 17 tháng 7 năm 1958, Tòa Đại diện Chính phủ Việt Nam cộng hoà gửi công văn số X1227/PĐ/MX/15A3 cho Ngoại trưởng Chính phủ Việt Nam cộng hoà tại Sài Gòn để trả lời về việc quân đội Cao Miên xâm nhập lãnh thổ và cướp bóc tại Tây Ninh và Bình Long. Nhà đương cục Miên trả lời quả quyết quân đội Hoàng gia không hề vi phạm.

(9) Công hàm số 70/DGP ngày 10 tháng 01 năm 1965 của Bộ Ngoại giao Campuchia gửi đại sứ quán Pháp tại Phnompenh có đoạn ghi: năm 1893 theo thông tư của Toàn quyền Đông Dương Delanesan, nhà chức trách Pháp ở Thủ Dầu Một tiến hành xây dựng đường từ Tây Ninh đi Stung Treng qua Thủ Dầu Một. Với lý do thiếu nhân công và để thuận lợi cho việc trưng dụng nhân công, Thống đốc Nam Kỳ ra nghị định nêu rõ trong điều khoản thứ nhất “Tổng Campuchia Thanh An, tổng người Tà Mu và người Campuchia Cửu An, các tổng người mọi ở Minh Ngải, Quản Lợi và các tổng người S’tieng ở Lộc Ninh, Phước Lễ sẽ hợp nhất thành một huyện lấy tên là huyện Cần Lê”.

Tính chất Campuchia của các tổng Thanh An, Cửu An được chính lời văn của nghị định này thừa nhận. Còn các tổng Lộc Ninh và Phước Lễ cũng được các tài liệu chính thức khác chứng minh là

thuộc Campuchia. Việc sáp nhập các tổng này vào Nam Kỳ đã gây sự phản đối rồi dẫn đến cuộc nổi dậy của dân chúng hữu quan và cuối cùng là sự đòi hỏi kiên quyết của Khâm sứ Pháp ở Campuchia.

(10) Theo lịch sử của Bán đảo Đông Dương - nhà xuất bản LHARMATTAN (tài liệu dịch từ bản sao tiếng Pháp, không có năm xuất bản), trong trang 30 có đoạn viết: "... Theo tài liệu gốc Pháp thì thanh tra Rheinart ghi nhận rằng, lãnh thổ Khơme bao gồm: một phần lớn của tỉnh Thủ Dầu Một, bản đồ Đông Dương do Bigrel thiết lập ghi nhận những vùng có người Cambodge cư ngụ được nhận thấy trong vùng đất rộng phía nam Phnom Cho Ung Prcah giữa Sông Bé và Mã-Đà. Các bản đồ mới hơn ghi các địa danh thuần túy Cambodge hoặc có nguồn gốc Cambodge, được nhận rõ ràng chung quanh vùng ủy nhiệm Hòn-Quan lập ra trên một " lãnh thổ cũ của người Cambodge " vào thời kỳ người Pháp đến, có thể đã đi ngược sông Thị-Tính để sau đó hướng về đông bắc qua vùng Chơn Thành rồi vượt về sông Bé gần Séc-Nha-Bích, quay xuống lại về hướng đông nam qua địa phận An Bình/Thanh Long, trước khi theo sông Mã-Đà lần cuối. Tình hình biên giới nói trên có tính phỏng chừng, vì những điểm nêu ra chỉ là đánh dấu để dễ nhận, không có khả năng xác nhận sự hiện diện hoặc ảnh hưởng của người Cambodge ở bên kia sông Mã-Đà đến sông Daung nay..."